



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 3 PHÙNG HỮU PHÚ:
Hoàn thiện mô hình tổng quát của hệ thống chính trị Việt Nam
-
- 18 NGUYỄN VĂN ĐẶNG - ĐẶNG QUANG ĐỊNH:
Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị
-
- 33 NGUYỄN VIẾT THÔNG:
Từ Đường Cách mệnh đến Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
nghĩ về công tác xây dựng Đảng
-
- 44 ĐẶNG CẢNH KHANH:
Vai trò của cộng đồng xã hội đối với quản lý phát triển xã hội -
Những bài học từ truyền thống
-

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

55 PHẠM QUANG MINH - NGUYỄN TUẤN ANH:

Hướng tới một mô hình quản lý phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam

63 Một số kết quả nghiên cứu khảo sát tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

71 Hội thảo "Quản lý phát triển xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay"



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HOÀN THIÊN MÔ HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ*Phó Chủ tịch Thường trực HĐLLTW*

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989), Đảng ta dùng khái niệm “hệ thống chính trị” thay cho khái niệm “hệ thống chuyên chính vô sản”. Đó là bước phát triển mới trong nhận thức lý luận về hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội XII chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành”. Gần đây, Hội nghị Trung ương 5, khóa XII nhấn mạnh: phải đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của toàn hệ

thống chính trị; giải quyết tốt quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những kết quả quan trọng và những bước tiến về nhận thức, để đẩy mạnh đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay cần nhận thức rõ hơn một số vấn đề lý luận sau đây:

Một là, nhận thức về tính chất, yêu cầu, đặc điểm của hệ thống chính trị trong các giai đoạn cách mạng theo quan điểm lịch sử, cụ thể.

- Trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, ở nước ta đã hình thành đồng thời 3 “tiểu hệ

thống”: tổ chức đảng - bộ máy nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở. Ba “tiểu hệ thống” này có nhiều điểm tương đồng về cơ cấu tổ chức, về mục tiêu, nhiệm vụ. Từ năm 1975 đến nay, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, tình hình đất nước và nhiệm vụ cách mạng đã có những thay đổi rất cơ bản¹. Tình hình quốc tế và khu vực đã có rất nhiều sự đổi thay, đặt ra những yêu cầu mới. Nhận thức chưa đầy đủ về những yêu cầu có tính nguyên tắc về sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức của hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng thời kỳ, giai đoạn cách mạng đã dẫn tới sự chậm trễ, bất cập trong quá trình đổi mới. Những đổi mới được tiến hành về phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong hơn 30 năm qua, về cơ bản vẫn mang tính

bộ phận, thiếu hệ thống, không đồng bộ, nên không tạo được đột phá, dẫn đến trì trệ, làm phát sinh rất nhiều “tật bệnh”.

Hai là, nhận thức về tính chất, đặc điểm của một đảng duy nhất cầm quyền.

Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, toàn bộ hệ thống chính trị đều do Đảng lập ra, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đều là “của Đảng”... Nhận thức về tính chất, đặc điểm này chưa đầy đủ, chuẩn xác đã dẫn đến hai khuynh hướng: Đảng bao biện, làm thay, lấn sân trong chỉ đạo thực tiễn; hoặc tuyệt đối hóa sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, làm cho sự lãnh đạo của Đảng bị chia cắt, thiếu sức mạnh; xuất hiện sự thiếu thống nhất trong xử lý quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Hậu quả là làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội, hạn chế

Từ năm 1975 đến nay, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, tình hình đất nước và nhiệm vụ cách mạng đã có những thay đổi rất cơ bản. Tình hình quốc tế và khu vực đã có rất nhiều sự đổi thay, đặt ra những yêu cầu mới.

vai trò của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị công kênh, chống chéo về chức năng, nhiệm vụ. Xuất hiện các biểu hiện quan liêu, cục bộ (địa phương, ngành, cơ quan), mất dân chủ, mất đoàn kết trong cả cơ quan đảng và nhà nước.

Ba là, nhận thức về sự phù hợp, đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thiết chế xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xã hội thông tin và dân chủ hóa đã và đang đặt ra những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn đối với phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy, hoạt động của hệ thống chính trị, nhưng chưa được nghiên cứu và giải quyết thấu đáo. Nhận thức chưa đầy đủ về các mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội dẫn đến tình trạng Đảng và hệ thống chính trị ôm đồm, can thiệp, bao biện làm thay thị trường, xã hội,

làm cho bộ máy thêm công kênh, nhiều sơ hở, hoạt động kém hiệu quả; dẫn đến sự thiếu đồng bộ kéo dài giữa thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thiết chế xã hội, làm chậm quá trình phát triển đất nước.

II. THỰC TIỄN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

1. Ưu điểm

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước,

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của từng tổ chức được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hệ thống chính trị cơ bản ổn định, phù hợp với Cương lĩnh và Hiến pháp; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

- *Tổ chức bộ máy* của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn*, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- *Kiến toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ*, công chức, viên chức đạt kết quả thấp; tỉ lệ

người phục vụ cao, nhất là ở khối văn phòng; số lãnh đạo cấp phó nhiều; việc bổ nhiệm cấp “hàm” ở một số cơ quan Trung ương chưa hợp lý.

- *Cơ chế kiểm soát quyền lực* hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế.

- *Cải cách hành chính*, nhất là cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chậm, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tuy đã quan tâm đầu tư nhiều cho kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhưng hiệu quả tác động vào *việc tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tinh giản biên chế* chưa tương xứng. *Số người hưởng lương, phụ cấp* từ ngân sách nhà nước rất lớn, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; chính sách tiền lương còn bất cập.

- *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện* chưa cụ thể hóa đầy đủ; thiếu quy định khung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp. Số lượng, cơ cấu, chất

lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp còn một số bất cập. *Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít cấp ủy, tổ chức đảng* còn yếu, nhất là ở một số cơ sở và trong doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. *Tổ chức, hoạt động của một số ban chỉ đạo và ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ có mặt còn bất cập.*

- *Năng lực quản lý, điều hành và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của một số cơ quan nhà nước cả ở Trung ương và địa phương còn hạn chế.* Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ. *Chưa phân định thật rõ tính đặc thù của chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo.* Các đơn vị hành chính địa phương nhìn chung quy mô nhỏ, nhiều đơn vị không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, nhất là cấp huyện, cấp xã. *Số lượng, cơ cấu đại biểu dân cử* chưa phù hợp, chất lượng còn hạn chế. Việc thành lập văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội cấp tỉnh làm phát sinh một số bất cập trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ. Nhiều tổ chức phối hợp liên ngành, ban quản lý dự án trùng lặp

về chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động chưa cao.

- *Tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội* chậm đổi mới, một số nhiệm vụ còn trùng lặp, vẫn còn tình trạng “hành chính hóa”, “công chức hóa”. *Tổ chức hội quần chúng* lập nhiều ở các cấp, nhưng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân hạn chế, bất cập

- *Mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị* chưa được hoàn thiện, một số bộ phận, lĩnh vực chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

- *Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, quy định của Nhà nước về sắp xếp,* kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế thiếu kiên quyết, đồng bộ.

- *Công tác quản lý tổ chức bộ máy và biên chế* chưa chặt chẽ và chưa tập trung thống nhất vào một đầu mối. Trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành vẫn quy định về tổ chức bộ máy, biên chế; một số văn

bản pháp luật về tổ chức còn nội dung chưa phù hợp.

- *Cơ chế, chính sách* khuyến khích việc sắp xếp tinh gọn tổ chức, biên chế chưa phù hợp, thiếu mạnh mẽ. Việc phân bổ kinh phí thường xuyên theo biên chế chưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị là một trong những nguyên nhân làm tăng biên chế.

- *Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát* thiếu thường xuyên; chưa xử lý nghiêm đối với những tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

- *Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học* về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được coi trọng và chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực.

3. Hệ lụy và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn hiện nay

Những hạn chế về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nêu trên mang lại những hệ lụy và đặt ra các vấn đề cần giải quyết.

Một là, chất lượng lãnh đạo, quản lý thấp; vai trò lãnh đạo, uy tín trong

xã hội và niềm tin của nhân dân với hệ thống chính trị đang bị giảm sút.

Ngoài nguyên nhân bắt nguồn từ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, những hạn chế về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay đang làm suy giảm vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng, vai trò, hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xã hội.

Hai là, nhiều vụ việc nảy sinh trong xã hội chậm được giải quyết, để trì trệ, kéo dài, gây nhiều bức xúc. Tình trạng buông lỏng kỷ luật, kỷ cương, vi phạm pháp luật và những tiêu cực trong lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng.

Ba là, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị ngày càng phình ra chưa được kiểm soát và chưa có hướng giải quyết. Hậu quả là mang lại gánh nặng quá tải cho ngân sách, trong khi thu nhập danh nghĩa của cán bộ, công chức còn thấp, tác động trực tiếp đến tư tưởng, thái độ làm việc, năng suất

công tác, thậm chí phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, những sơ hở, yếu kém trong công tác tổ chức, cán bộ đã và đang ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị. Các quy định, quy trình của công tác cán bộ đã trở nên hình thức, không hạn chế được sự lợi dụng với động cơ xấu của một số cán bộ lãnh đạo, hình thành “lợi ích nhóm”; không hạn chế được tình trạng bố trí người nhà, người thân vào trong tổ chức bộ máy ở tất cả các cấp, gây bức xúc, bất bình trong dư luận, công luận.

Năm là, đã xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ, nhưng chưa có hướng giải quyết cụ thể. Sự bất hợp lý, những yếu kém, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, quản lý, trong công tác tổ chức, cán bộ làm sâu sắc thêm tình trạng phân hóa xã hội, phân hóa nội bộ, dẫn đến những mâu thuẫn, thậm chí xung đột lợi ích giữa cán bộ với cán bộ, giữa cán bộ với một bộ phận nhân dân ở một số tổ chức, địa phương. Đây là hiện tượng rất đáng lo ngại.

Những hệ lụy nêu trên hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đều cản trở và tác động xấu đến quá trình đổi mới, ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, cần kiên quyết, tích cực giải quyết sớm.

III. ĐỊNH HƯỚNG QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm chỉ đạo

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đã chỉ rõ các quan điểm sau:

- *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân; bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

- *Giữ vững các nguyên tắc tổ chức,*

hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút người có đức, có tài; bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

- Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả. Lãnh đạo tập trung, thống nhất; thực hiện

thường xuyên, liên tục, tích cực, mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài. Những việc đã rõ, cần thực hiện thì thực hiện ngay; những việc mới, chưa được quy định, hoặc những việc đã có quy định nhưng không còn phù hợp thì mạnh dạn chỉ đạo thực hiện thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội; những việc chưa rõ, phức tạp, nhạy cảm, còn có ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

- Thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao

trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2021:

- Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên

quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý;

- Thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần làm rõ về lý luận và thực tiễn;

- Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố;

- Giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015.

- Từ năm 2021 đến năm 2030:

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đã chỉ rõ các quan điểm sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân; bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng.

- Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; giảm biên chế;

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị;

- Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

- Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập từ nay đến năm 2030: Thực hiện có hiệu quả theo lộ trình, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về

“Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

3. Định hướng về nhiệm vụ, giải pháp

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đang đòi hỏi cấp thiết, đồng thời cũng tạo những tiền đề để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Từ nay đến 2030 cần thiết và có thể triển khai căn cơ những nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

3.1. Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền

- Tập trung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để hình thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh, sáng rõ về một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng xã hội dân chủ, xã hội thông tin trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Luận giải thấu đáo, có sức thuyết phục và cụ thể hóa, thể chế hóa quan

hệ “Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ”, mối quan hệ “Nhà nước - Thị trường - Xã hội” trong giai đoạn phát triển hiện nay.

- Làm rõ luận điểm: Khi đã trở thành đảng cầm quyền, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước... Từ đó cụ thể hóa nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng và tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

Kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận cần cung cấp luận cứ vững chắc cho việc xây dựng Văn kiện Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo để định hướng đúng đắn quá trình hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

3.2. Hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng thông qua tổ chức đảng và đảng viên

- Tập trung xây dựng tổ chức đảng, đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng, về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng bảo đảm là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ nội

dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả hướng vào lãnh đạo những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp thiết của tổ chức, đơn vị, địa bàn.

- Chú trọng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng, chất lượng, nhất là ở cơ sở, chuẩn bị đội ngũ cho lâu dài. Tăng cường giáo dục, rèn luyện đảng viên về đạo đức, năng lực. Đổi mới quy trình xây dựng cấp ủy, quy trình lựa chọn, bố trí các cấp ủy viên vào các vị trí trọng yếu của hệ thống chính trị các cấp, bảo đảm chất lượng, đúng người, đúng việc. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; khắc phục bằng được sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng.

3.3. Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể của hệ thống chính trị nước ta

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể cơ bản, ổn định lâu dài

của hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, từng bước đổi mới, tổ chức lại hệ thống chính trị theo mô hình tổng thể.

- Yêu cầu chung của mô hình tổng thể là:

+ Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ trong từng “tiểu hệ thống” (Đảng, Nhà nước, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội) và trong toàn hệ thống. Bảo đảm tổ chức bộ máy của toàn bộ hệ thống chính trị tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng, hỗ trợ lẫn nhau dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Về cơ bản không duy trì tổ chức trung gian; không rập khuôn máy móc về mô hình tổ chức giữa các tiểu hệ thống, giữa trung ương với địa phương, giữa các địa phương với nhau. Sắp xếp lại theo hướng thu gọn đầu mối các đơn vị hành chính và bộ máy trong toàn hệ thống gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; thu hút, phát huy nhân tài.

+ Đối với tổ chức đảng, thực hiện

nguyên tắc: (1) một tổ chức hành chính trong hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng tương ứng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, cá biệt tổ chức nào trong hệ thống chính trị còn hai tổ chức đảng lãnh đạo thì phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức đảng. (2) Các tổ chức đảng và cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng không có tổ chức đảng trung gian. Tinh giản các tổ chức tham mưu, chuyên trách, giúp việc; tích hợp một số cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. (3) Giảm số lượng cấp ủy viên các cấp; thực hiện chế độ người đứng đầu tổ chức đảng kiêm nhiệm chức danh đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

+ Đối với tổ chức bộ máy nhà nước: xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, giảm bớt các đầu mối trung gian, các tổ chức làm các công việc mà thị trường, xã hội có thể làm tốt hơn, sáp nhập, tổ chức lại các bộ, ngành theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực gắn với đổi mới công tác

lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng nền quản trị hiện đại, chính phủ điện tử.

+ Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương phù hợp với điều kiện nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt...; xây dựng thiết chế quản trị vùng kinh tế. Sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước cấp cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chăm lo xây dựng đội ngũ công chức cấp cơ sở cả về phẩm chất, năng lực, điều kiện sống, làm việc.

+ Sắp xếp lại các tổ chức, cơ quan của Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội... theo hướng tinh giản đầu mối, giảm bớt các cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ; khắc phục các biểu hiện “nhà nước hóa về tổ chức”, “hành chính hóa về hoạt động”, “công chức hóa về cán bộ”.

3.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu mới

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của tổ chức để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp, theo hướng: trọng chất lượng hơn số lượng; một người làm nhiều việc; một việc có một người chịu trách nhiệm chính...

- Nghiên cứu, đổi mới căn bản, toàn diện mô hình tổ chức, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phù hợp với từng chức danh, với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu một cán bộ có thể đảm nhiệm nhiều chức danh.. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải cập nhật, thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn; chú trọng kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xử lý tình huống, làm chủ công nghệ mới... Tách bạch giữa bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý với học vị hóa, học hàm hóa cán bộ.

4. Những việc cần và có thể làm trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ bản hệ thống chính trị là công việc rất lớn, rất phức tạp, cần chuẩn bị, triển khai liên tục, thường xuyên, lâu dài trong hai, ba nhiệm kỳ đại hội đảng.

Từ nay đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xin đề xuất một số trọng tâm sau đây:

4.1. Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua

tổ chức chức đảng và đảng viên

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng, của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện của tình hình mới. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, tạo chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

4.2. Về xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Lựa chọn một số công việc đã rõ, điều kiện đã chín muồi, có thể làm ngay mà không cần sửa đổi Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm không gây xáo trộn, không ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

(1) Tiếp tục điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị; khắc phục sự chồng chéo,

trùng lặp, hoạt động kém hiệu quả; kiện toàn sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo hợp lý, đúng với vị trí việc làm; giải quyết tốt lực lượng dôi dư.

(2) Xử lý một số vấn đề bất hợp lý, đã rõ trong từng “tiểu hệ thống”.

- *Đối với hệ thống tổ chức đảng:* xem xét, giải quyết mô hình “đảng ủy khối”, “đảng đoàn”, “ban cán sự đảng”, bảo đảm về cơ bản nguyên tắc một tổ chức, đơn vị hành chính của hệ thống chính trị chỉ có một tổ chức đảng lãnh đạo tập trung, toàn diện; bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu tổ chức tương ứng. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các ban chỉ đạo, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp với các tổ chức khác trong hệ thống.

- *Đối với tổ chức bộ máy nhà nước:* điều chỉnh, phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chồng lấn, giao thoa. Về cơ bản, tách khu vực dịch vụ công khỏi bộ máy quản lý, biên chế nhà nước. Đổi mới cơ chế vận hành; giảm bớt các tổ chức trung gian, các đầu mối

bên trong, các cơ quan chuyên trách giúp việc các Ban Chỉ đạo, giảm số lượng cấp phó. Tập trung kiện toàn chính quyền cấp cơ sở, giảm số lượng người hưởng phụ cấp, nâng cao chất lượng và cải thiện điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.

- *Đối với tổ chức của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội:* Rà soát, giảm bớt cấp trung gian; nghiên cứu, thực hiện mô hình sử dụng cơ quan tham mưu, giúp việc chung trong khối mặt trận, đoàn thể, trước hết ở cấp quận, huyện...

(3) Xây dựng phương án, chuẩn bị điều kiện để thực hiện việc hợp nhất

khi có điều kiện một số tổ chức, cơ quan đảng và tổ chức, cơ quan nhà nước, hợp nhất một số cơ quan tham mưu của Đảng, một số cơ quan quản lý nhà nước có sự tương đồng hoặc gần giống về chức năng, nhiệm vụ theo hướng liên thông, tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực.

4.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội XIII, định hướng cho việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng mô hình tổng thể, cơ bản, ổn định lâu dài của hệ thống chính trị ở nước ta sau Đại hội XIII và các đại hội tiếp theo ■

¹ Từ chiến tranh sang hòa bình. Từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ thế bị bao vây cấm vận, đến hội nhập quốc tế. Từ xã hội có cơ cấu thống nhất sang xã hội đa cơ cấu đa tầng, đan xen ngày càng đa dạng, phức tạp; xã hội thông tin đơn tuyến sang xã hội đa thông tin, đa tuyến, đa chiều; xã hội “dân chủ truyền thống” sang xã hội dân chủ lãnh đạo. Từ nhà nước chuyên chính vô sản sang Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân...

QUAN HỆ GIỮA ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ

● PGS, TSKH NGUYỄN VĂN ĐẶNG

● PGS, TS ĐẶNG QUANG ĐỊNH

1. Thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị thời gian qua

a) Về ưu điểm

Tư duy mới về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế và đời sống chính trị, tạo ra bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế và sự ổn định về chính trị của đất nước.

Trong đổi mới kinh tế, Đại hội XII đánh giá: “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong

nền kinh tế được nâng lên. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ

hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế”¹. “Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường; hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh”².

Đường lối đổi mới kinh tế phù hợp với yêu cầu khách quan của thực

Tư duy mới về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế và đời sống chính trị, tạo ra bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế và sự ổn định về chính trị của đất nước.

tiền đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, thúc đẩy kinh tế của nước ta tăng trưởng vượt bậc, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Nhờ vậy, sau hơn 30 năm đổi mới chúng ta *đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước có thu nhập trung bình; hội nhập mạnh mẽ vào kinh tế khu vực và thế giới, tạo thế và lực mới cho nền kinh tế.

Trong đổi mới chính trị, Đại hội XII đánh giá: Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn³. “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của

các tổ chức trong hệ thống chính trị nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc”⁴. “Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản”⁵. “Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao”⁶. Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện”⁷. Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực⁸. Quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và chính trị được phát huy tốt hơn⁹.

b) Về hạn chế

Thứ nhất, đổi mới chính trị vẫn còn chậm hơn so với đổi mới kinh tế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua vẫn còn

nhiều chính sách chưa phù hợp với cuộc sống, gây cản trở sự phát triển kinh tế. Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi, nhiều cấp nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp, chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác động giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có những chính sách bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm.

Đổi mới của khu vực kinh tế nhà nước cũng còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu để ra, xảy ra nhiều tham nhũng, tiêu cực, tạo ra sự e ngại từ phía các nhà đầu tư vào các khu vực kinh tế nhà nước, giảm khả năng đóng góp khả năng, trí tuệ và kinh nghiệm của các nhà đầu tư vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước; chưa có chính sách phù hợp để thúc đẩy kinh tế khu vực ngoài quốc doanh; nhận thức về

vai trò của kinh tế tư nhân chậm thay đổi nên việc phát triển đảng trong khu vực kinh tế tư nhân còn rất chậm; mối quan hệ nhà nước - thị trường chưa được giải quyết thỏa đáng vô hình trung tạo ra kẽ hở một cách “hợp pháp” cho các hoạt động kinh tế ngầm lũng đoạn và phá hoại nền kinh tế nói chung, gây ra những hệ quả chính trị - xã hội không nhỏ.

Độ vênh trong quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế nhiều thành phần còn thể hiện ở mức độ cung cấp vốn, phân bổ dự án đầu tư thiếu tập trung, hoặc nếu tập trung thì lại tập trung quá mức. Do quản lý vừa buông lỏng, vừa hình thức nên hiệu quả không đáng kể so với đầu tư. Bên cạnh đó, cơ quan chức năng của Chính phủ xử lý nhiều vấn đề chưa nhạy bén, thiếu linh hoạt và còn quan liêu nên đôi khi đưa ra những quy định trái ngược nhau, gây xáo trộn ở một số lĩnh vực và tâm lý bất ổn trong dư luận nhân dân.

“Hoàn thiện thể chế kinh tế còn chậm, thiếu kiên quyết; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng không cao, chưa đáp ứng được yêu

cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu nền kinh tế, thực hiện ba đột phá”¹⁰. “Kết quả triển khai, thực thi thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn hạn chế, chưa tạo đột phá lớn trong huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển”¹¹. “Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự thông thoáng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân theo nguyên tắc thị trường”¹²...

Thứ hai, tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn tồn tại, có nơi có diễn biến phức tạp. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội có xu hướng hành chính hóa và bộ máy công kênh.

Đại hội XI của Đảng thẳng thắn nhìn nhận về những hạn chế trong đổi mới chính trị so với đổi mới kinh tế: “Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới,

nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm”¹³; “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước”¹⁴; “công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục”¹⁵.

Thứ ba, đổi mới trong bản thân lĩnh vực chính trị cũng còn những hạn chế.

Ý chí của quyền lực chính trị chưa được coi trọng và tuân thủ một cách nhất quán. Chủ trương của Nhà nước và các địa phương không đồng bộ, thậm chí trái ngược nhau. Việc coi thường kỷ cương đang làm sức mạnh của hệ thống chính trị chậm được tăng cường và có phần bị suy giảm. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho một số nghị quyết của Đảng khó đi vào cuộc sống hoặc bị vận dụng sai lệch.

Chủ trương của Nhà nước và các địa phương không đồng bộ, thậm chí

trái ngược nhau. Việc coi thường kỷ cương đang làm giảm đi sức mạnh của hệ thống chính trị vốn rất hiệu quả trước đây. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho một số nghị quyết của Đảng khó đi vào cuộc sống. Nhiều chủ trương đã đề ra hoặc bị rơi vào quên lãng, hoặc thiếu tính khả thi do lối tư duy nóng vội, duy ý chí và không có tinh thần trách nhiệm đã không được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Mặt khác, trong đổi mới chính trị chúng ta mới chỉ tập trung nhấn mạnh ý nghĩa của đổi mới tư duy về chính trị chứ chưa thực sự tiến hành đổi mới ở con người chính trị - chủ thể hoạt động chính trị và cơ chế hoạt động có hiệu quả của hệ thống chính trị.

Đại hội XII chỉ rõ: “Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các

thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển”¹⁶. “Việc triển khai một số nhiệm vụ tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng những nhiều, tiêu cực, oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu để

ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng¹⁷. “Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả”¹⁸. “Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ”¹⁹. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm²⁰...

Đại hội XII cũng thẳng thắn chỉ ra hạn chế: “Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ”²¹, đã cản trở quá trình đổi mới kinh tế, thậm chí kìm hãm kinh tế phát triển và cải thiện đời sống nhân dân.

c) Nguyên nhân ưu điểm, hạn chế trong giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Nguyên nhân ưu điểm: Vai trò lãnh

đạo của Đảng vẫn luôn được khẳng định là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nói chung cũng như nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Bên cạnh đó, sự ổn định cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng cao, tạo tiền đề vật chất đặc biệt quan trọng, làm “bệ đỡ” để đổi mới chính trị.

- *Nguyên nhân hạn chế:* Ở một số khía cạnh, vấn đề đổi mới chính trị chưa thực sự có hiệu quả một phần do chúng ta chưa làm rõ và phân định dứt khoát chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước. Rất nhiều trường hợp, ở nhiều lĩnh vực, cán bộ lãnh đạo đường lối tham gia vào công việc của cán bộ quản lý một cách quá sâu nên dễ dẫn đến hai tình huống: hoặc không đạt được kết quả như chủ trương do trình độ và chuyên môn không đúng tầm, khi đó không xác định được ai sẽ là người chịu trách nhiệm; hoặc là do bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung trong việc tiến hành công việc dẫn đến công việc bị bê trễ, lơ lửng kéo

dài mà cũng không thể quy trách nhiệm cho cụ thể cá nhân nào. Việc nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo là một chủ trương đúng, song ở một số chủ thể cụ thể, bản thân người lãnh đạo hoặc do hạn chế về năng lực, hoặc chưa có nhận thức đúng về yêu cầu, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, chưa phân định rạch ròi giữa lãnh đạo và quản lý, dẫn đến chồng chéo, thiếu thống nhất, hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo, quản lý thấp.

2. Những vấn đề đặt ra về nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Thứ nhất, về chính trị, mặc dù đã có những thành tựu bước đầu, nhưng hiện còn nhiều vấn đề bức thiết đang đặt ra đòi hỏi phải giải quyết như: xây dựng Nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - với tư cách là môi trường pháp lý và động lực cho phát triển kinh tế chưa được thực hiện một cách đúng mức; việc đấu tranh phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính còn hạn chế; trong nhiều

mối quan hệ, chính trị chưa mở đường cho kinh tế phát triển mà đôi khi, còn kìm hãm sự phát triển.

Xét trên phương diện quy luật, dân chủ hóa các hoạt động kinh tế phải đi đôi với dân chủ hóa chính trị. Dân chủ hóa kinh tế có nghĩa các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế (người dân, doanh nghiệp) có tiếng nói trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế; giảm thiểu, dẫn tới xóa

bỏ mọi hình thức độc quyền, lấy thị trường làm căn cứ quan trọng nhất để phân bổ các nguồn lực phát triển; xác lập cơ chế đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế. Từ đó, cũng đặt ra các yêu cầu cho đổi mới chính trị như: nhất quán định hướng chính trị trong phát triển kinh tế thị trường; xác lập được vị thế, vai trò, tiếng nói của người dân trong hoạch định chính sách; Nhà nước hoạt động theo chuẩn mực của nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng pháp luật, bản thân Nhà nước cũng hoạt động trong khuôn khổ pháp

Xét trên phương diện quy luật, dân chủ hóa các hoạt động kinh tế phải đi đôi với dân chủ hóa chính trị.

luật; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp... Có những yếu tố của thị trường trước đây chúng ta không thừa nhận, không cho phép tồn tại, giai đoạn đổi mới đã thừa nhận, thậm chí khuyến khích phát triển như: thị trường tài chính, thị trường sức lao động, thị trường chứng khoán..., vậy, những yếu tố của nền dân chủ hiện đại như: xã hội dân sự, tự do báo chí, quyền lập hội... có được chấp nhận không, chấp nhận và vận dụng ở mức độ nào cũng cần phải được nhận thức và giải quyết trên phương diện lý luận.

Thứ hai, về mặt lý luận, một số vấn đề trong mối quan hệ giữa “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và “nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”, “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” chưa được làm rõ, chưa tạo ra sự thống nhất trong đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Trong khi kinh tế là cái quyết định chính trị, kinh tế mới ở mức “định hướng xã hội chủ nghĩa”, nhưng chính trị là cái phản ánh kinh tế lại là “xã hội chủ nghĩa”. Có nghĩa là cái phản ánh ở trình độ cao hơn cái được phản ánh; cái bị quyết định cao hơn cái quyết

định. Nhận thức như vậy liệu có phù hợp với quy luật khách quan. Chính nhận thức như vậy đã tạo ra những sự lúng túng, khiên cưỡng nhất định trong xây dựng các chính sách đổi mới chính trị.

Thứ ba, nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân còn có biểu hiện chưa thống nhất.

Về kinh tế tư nhân, Nghị quyết Đại hội XII nêu: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế”²². Để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW (ngày 3 tháng 6 năm 2017) về *phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Trong đó, về quan điểm, Đảng ta cho rằng, phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây được coi là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỷ trọng đóng góp trong GDP. Điều đặc biệt quan trọng là, phải xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, nhất là những định kiến về chính trị, để thực sự tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hơn nữa phát triển kinh tế tư nhân. Bởi trong thực tế đã có lúc chúng ta đã có những định kiến với thành phần kinh tế này. Như vậy, tuy kinh tế tư nhân đã được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế ở nước ta, nhưng ở một số địa phương, ở một số chủ thể chính trị, chưa có nhận thức thống nhất, nên việc xử lý những vấn đề liên quan đến kinh tế tư nhân chưa nhất quán, thậm chí có sai phạm, chưa tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ và hiệu quả.

Thứ tư, việc đổi mới nhận thức về sở hữu đã thực sự tạo điều kiện để giải phóng sức sản xuất xã hội. Tuy nhiên, quan điểm, đường lối của Đảng về vấn đề này trong những năm qua còn có nội dung chưa đủ rõ, chưa được hiểu thống nhất. Chẳng hạn, trong *Cương lĩnh* (1991) ghi là xây dựng quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu, đến *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) lại ghi là xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp. Việc hiểu nội hàm khái niệm “tiên bộ phù hợp” cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất cao. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất trong nhận thức và giải quyết thực tiễn vấn đề sở hữu trong lĩnh vực kinh tế, nhất là đối với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

3. Kiến nghị bổ sung một số nhận thức và định hướng giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

a) Một số nguyên tắc cần quán triệt bổ sung nhận thức và định hướng giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị phải do Đảng lãnh đạo và vì mục tiêu bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển.

- Sự nghiệp đổi mới nói chung, đổi mới thể chế kinh tế và thể chế chính trị nói riêng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và phải lấy mục tiêu cao nhất “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm cơ sở cho việc nhận thức, giải quyết và thực hiện mối quan hệ này.

- Để thực hiện được mục tiêu đổi mới thể chế kinh tế cần phải đặc biệt coi trọng việc giữ vững ổn định chính trị, có nghĩa là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

đối với đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị chứ không phải là sự thoả hiệp, cải lương dẫn đến từ bỏ sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng. Đổi mới là thực hiện tốt hơn nữa nhất nguyên chính trị, không

chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đa nguyên kinh tế không đồng nhất với đa đảng chính trị.

- Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường thì Đảng phải lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách kinh tế phục vụ cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động, bảo đảm kinh tế tăng trưởng bền vững, hạn chế tình trạng bất công, bóc lột, hủy hoại môi trường. Muốn giữ vững được sự lãnh đạo của Đảng cần tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tức là nguyên tắc có ý nghĩa sống còn này phải được thực thi nghiêm túc ở mọi cấp, mọi ngành.

- Kinh tế nhà nước thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; cơ cấu kinh tế của nhà nước được đổi mới căn bản trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập.

Sự nghiệp đổi mới nói chung, đổi mới thể chế kinh tế và thể chế chính trị nói riêng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và phải lấy mục tiêu cao nhất “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm cơ sở cho việc nhận thức, giải quyết và thực hiện mối quan hệ này.

Thứ hai, đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị phải đảm bảo sự phát triển đồng bộ của cả kinh tế, cả chính trị.

- Không được tuyệt đối hoá hoặc đổi mới thể chế kinh tế, hoặc đổi mới thể chế chính trị tránh rơi vào khuynh hướng duy vật máy móc hoặc khuynh hướng chủ quan duy ý chí. Việc nhấn mạnh những nội dung cụ thể trong đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị là do yêu cầu, điều kiện thực tiễn đất nước và quốc tế cụ thể đòi hỏi.

- Các quyết định chính trị phải đảm bảo tính hậu thuẫn, hỗ trợ, mở đường cho kinh tế phát triển theo đúng định hướng chính trị xã hội chủ nghĩa chứ không được cản trở kinh tế phát triển hoặc phát triển lệch hướng mục tiêu chính trị.

- Không thể coi tăng trưởng kinh tế là mục đích tự thân và là mục tiêu cuối cùng của đổi mới. Tăng trưởng kinh tế tự thân không dẫn tới bảo đảm xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Nếu kinh tế tăng trưởng mà dẫn tới phân hoá giàu - nghèo, bất công xã hội, hủy hoại môi trường thì sẽ làm sai lệch

mục tiêu chính trị đúng đắn của đổi mới kinh tế.

- Đổi mới kinh tế đồng bộ nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải. Các vùng, các địa phương phải chủ động khai thác và phát huy thế mạnh của mình chứ không nên sao chép một móc một mô hình cụ thể.

- Phát triển kinh tế phải dựa trên nội lực là chủ yếu đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, tránh rơi vào tình trạng tạo ra gánh nợ ngày càng nặng nề cho các thế hệ sau. Không để xã hội Việt Nam thành xã hội tiêu dùng, là thị trường cho các loại hàng hoá rẻ tiền, chất lượng kém, công nghệ lạc hậu. Hội nhập kinh tế để nhập công nghệ tiên tiến chứ không trở thành bãi rác công nghiệp cho các nước phát triển.

- Đổi mới thể chế kinh tế và thể chế chính trị phải kết hợp hài hoà với giải quyết các vấn đề xã hội. Tiêu chí phát triển bền vững đòi hỏi phải làm tốt các vấn đề như chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của trẻ em, vấn đề lao động trẻ em, vấn đề tự do báo chí, thông tin, vấn đề dân chủ, vấn đề tôn giáo, dân tộc... Những sai lầm khi

giải quyết những vấn đề đó có thể trở thành nguyên cơ để các thế lực thù địch gây sức ép lên chế độ chính trị của chúng ta.

- Độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động lựa chọn các đối tác hợp tác, chủ động xây dựng lộ trình hội nhập hợp lý trong khuôn khổ quy định chung; chủ động điều chỉnh pháp luật, chính sách cho phù hợp; chủ động tổ chức sản xuất và điều hành kinh tế trong nước nhằm nâng cao không ngừng khả năng cạnh tranh không chỉ trong thị trường nội địa mà cả trên thị trường quốc tế, chủ động phương cách thực hiện các cam kết.

Thứ ba, lấy thực tiễn đất nước và quốc tế làm căn cứ điều chỉnh mối quan hệ giữa đổi mới thể chế kinh tế và đổi mới thể chế chính trị. Theo quan điểm duy vật biện chứng, trong mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị thì xét đến cùng kinh tế luôn quyết định chính trị. Tuy nhiên, trong những điều kiện thực tiễn cụ thể chính trị phải được ưu tiên so với kinh tế. Vấn đề ưu tiên bước đi đổi mới kinh tế hay chính trị trước hết phải căn cứ vào thực tiễn cụ thể của

đất nước và quốc tế chứ không thể tùy tiện, chủ quan, sách vở.

b) Một số nội dung nghiên cứu bổ sung nhận thức và định hướng giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong văn kiện Đại hội XI, Đảng đã nêu ra mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây được coi là sự sáng tạo độc đáo về mặt lý luận, phản ánh sinh động các lĩnh vực trọng yếu trong sự phát triển của đất nước. Những mục tiêu này đang là định hướng quan trọng cho sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân. Mặc dù mục tiêu là định hướng lớn, tuy nhiên, ở mỗi thời kỳ cũng cần có sự bổ sung, phát triển. Điều này không phải là xa rời mục tiêu, xa rời nguyên tắc mà chính là sự sáng tạo.

Trong thời kỳ hiện nay, mục tiêu này có thể bổ sung thêm cụm từ “hạnh phúc” vào mục tiêu xây dựng

chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay là: “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc*”. Bởi lẽ, trong thời đại ngày nay, hạnh phúc được coi là chỉ số rất quan trọng để đánh giá sự phát triển của một đất nước. Hạnh phúc được hình thành trên cơ sở tổng hợp của sự hài hòa nhiều yếu tố, cả vật chất (kinh tế) đến những yếu tố văn hóa tinh thần. Do vậy, chỉ số này cũng cần được xem là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, trong đổi mới chính trị, cần xác định rõ ràng hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, để việc nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo không bị chồng chéo, thiếu minh bạch, thậm chí có thể dẫn đến lạm quyền. Cần nghiên cứu xây dựng bổ sung và hoàn thiện nhanh cơ chế, chính sách, pháp luật để kiểm soát quyền lực, nhất là trong điều kiện thực hiện nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo như hiện nay, để việc lãnh đạo đảm bảo tính nguyên tắc, theo định hướng đúng và không để xảy ra những sự việc tiêu cực, lạm quyền, tham nhũng đáng tiếc như đã xảy ra trong thời gian vừa qua.

Bên cạnh đó cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội thông qua việc đổi mới toàn bộ hệ thống, xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm phát huy sức sáng tạo, tính tích cực của nhân dân trong việc tham gia góp ý cho Đảng, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới, nhất là ở khu vực nông thôn.

Thứ ba, bên cạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược do Trung ương quản lý, cần tập trung xây dựng con người chính trị về đạo đức, năng lực, về văn hóa chính trị... của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp cơ sở, nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của nông nghiệp, nông thôn.

Thứ tư, cần xác định rõ hơn những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo hướng:

- Xác định và tôn trọng các quy luật của kinh tế thị trường, nhất là quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá cả.

- Xác định định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế như thế nào

để Đảng, Nhà nước làm tốt chức năng lãnh đạo, quản lý mà không can thiệp sâu vào kinh tế, đảm bảo tính linh hoạt của kinh tế thị trường, thúc đẩy sản xuất phát triển. Mở rộng nội hàm “định hướng xã hội chủ nghĩa” của nền kinh tế thị trường theo nghĩa mục tiêu hướng tới của nền kinh tế là xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta với những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà *Cương lĩnh* của Đảng đã xác định. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một chỉnh thể các đặc trưng, không thể chỉ quy về một số đặc trưng (chủ yếu về chính trị, xã hội, quan hệ sản xuất) để coi đó là định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, tiếp tục xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng được nhận thức rõ hơn và đánh giá xác đáng hơn. Kinh tế tư nhân ngày càng đóng góp to lớn hơn trong huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, cơ

cấu lại nền kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội. Tỷ trọng trong GDP của khu vực kinh tế tư nhân, bao gồm cả kinh tế cá thể luôn duy trì ổn định trong khoảng 40-43%, và chiếm khoảng 83% lao động xã hội. Bước đầu đã hình thành được một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh tốt hơn trên thị trường trong nước và quốc tế; đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh. Số lượng doanh nghiệp của tư nhân tăng nhanh với nhiều loại hình đa dạng; phong trào khởi nghiệp được đẩy mạnh...

Trong những năm tới cần xác định:

- Tiếp tục thể chế hóa một số nội dung Nghị quyết phù hợp giai đoạn 2016 - 2020, xác định rõ những nội dung tiếp tục phải được thể chế hóa và nội dung không còn phù hợp, cần phải điều chỉnh, để tiếp tục đổi mới hơn nữa cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực

quan trọng nhất của nền kinh tế. Điển hình như, đẩy mạnh thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, cần quy định rõ việc thành lập và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân. Đồng thời, tiếp tục hỗ trợ công tác theo dõi, phân tích và cung cấp thông tin cho hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu cho kinh tế tư nhân.

- Thúc đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với việc cơ cấu lại các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân. Thực hiện đúng chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; khuyến khích và mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết, liên doanh giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp

nhà nước, hợp tác xã và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tạo mối quan hệ hợp tác, cạnh tranh, cùng có lợi.

- Hình thành, phát triển thị trường nhân lực quản trị kinh doanh, kể cả đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Tăng cường phát triển Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân. Tăng cường cơ cấu tương xứng với những người xuất thân từ kinh tế tư nhân vào hệ thống chính trị các cấp trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện quy định chung. Chú trọng đẩy mạnh bồi dưỡng, đào tạo một đội ngũ doanh nhân Việt Nam có đức, có tài và bản lĩnh kinh doanh để xây dựng nền kinh tế dân tộc vững mạnh trong hội nhập quốc tế ■

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Xem: *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội 2016; tr.97-98, 98, 187, 190, 171. 172, 172, 172, 167, 98-99, 99, 99, 173-174, 174, 158, 158, 168, 68, 107-108.

^{13, 14, 15} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.179, 171, 172.

TỪ ĐƯỜNG CÁCH MỆNH ĐẾN DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NGHĨ VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Trong cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã viết nhiều tác phẩm quan trọng, trong đó, Đường Cách mệnh được xem là tác phẩm quan trọng đầu tiên và Di chúc là tác phẩm quan trọng cuối cùng của Người. Hai tác phẩm này đã được công nhận là “Bảo vật quốc gia”.

Đường Cách mệnh tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã giảng tại các lớp Huấn luyện chính trị cho đội ngũ cán bộ cốt cán đầu tiên của Việt Nam để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quảng Châu, Trung Quốc trong những năm 1925-1927, xuất bản năm 1927 và được bí mật chuyển về nước.

Năm 1967, nhân dịp sinh nhật lần thứ 75, vào lúc 9 giờ sáng ngày 10/5/1965, Bác viết bản Di chúc với tiêu đề “Tuyệt đối bí mật”. Năm 1968, 1969

cũng vào ngày 10/5 Bác viết bổ sung, sửa chữa và viết lại Di chúc. Đúng 10 giờ ngày 19/5/1969, Bác đọc lần cuối cùng tất cả rồi bỏ vào phong bì và cất đi. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố trong dịp lễ tang của Người tháng 9/1969. Trong kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1990), Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã quyết định công bố toàn bộ các bản viết Di chúc của người.

Đường Cách mệnh và Di chúc chứa đựng những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng.

1. Đường Cách mệnh và Di chúc nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng, trong đó nhấn mạnh đến đạo đức cách mạng

Trong Đường Cách mệnh, Hồ Chí Minh đặt vấn đề: Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Và Người trả lời: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có kim chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”¹.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập đến một số vấn đề cốt lõi về Đảng và xây dựng Đảng: *Một là*, vai trò quan trọng của Đảng: “Cách mệnh trước hết phải có Đảng cách mệnh”; *hai là*, phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công”; *ba là*, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngay trang bìa cuốn sách, Người đã trích luận điểm nổi tiếng của Lênin:

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong.

Trong Đường Cách mệnh, Nguyễn Ái Quốc quan tâm đầu tiên đến tư cách người cách mệnh - Người xác định chuẩn mực đạo đức của người cách mệnh. Nguyễn Ái Quốc nêu ra 23 tiêu chuẩn quan trọng trong ba mối quan hệ cơ bản của một người cách mạng: *Một là, đối với mình*, có 14 tiêu chuẩn: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói là phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật. *Hai là, đối với người*, có 5 tiêu chuẩn: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trực mà không táo bạo. Hay xem xét người. *Ba là, đối với công việc*, có 4 tiêu chuẩn: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể.

Từ luận điểm cách mệnh trước hết phải có đảng cách mệnh, trong Di chúc để lại cho muôn đời sau, Hồ Chí Minh quyết định TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG. Nói về Đảng, Người đề cập các vấn đề cốt lõi sau:

Một là, Hồ Chí Minh đã khẳng định nguyên nhân để Đảng lãnh đạo cách mạng thành công: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”².

Hai là, Hồ Chí Minh yêu cầu giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trong Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³.

Ba là, Hồ Chí Minh yêu cầu giữ vững nguyên tắc xây dựng Đảng: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn

kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”⁴.

Bốn là, Hồ Chí Minh nêu yêu cầu về xây dựng Đảng: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”⁴.

2. Xây dựng Đảng theo Đường Cách mệnh và Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong gần 90 năm qua

a) Những việc đã làm được

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt to lớn trong lịch sử cách mạng nước ta.

Trong bối cảnh khủng hoảng đường lối cứu nước, cách mạng như chìm trong đêm tối, không tìm thấy đường ra, nhận thức rõ trước hết phải có đảng cách mệnh, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về mọi mặt để thành lập Đảng. Ngày 03 tháng 2 năm 1930, dưới dự chủ trì của Người, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó, (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã họp Hội nghị

hợp nhất thành một Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt to lớn trong lịch sử cách mạng nước ta, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Gần 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và đã giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Sự

lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”⁶.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện tư tưởng của Người về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng đã được đặt ra trong nhiều nghị quyết Đảng, từ Cương lĩnh đến văn kiện các đại hội Đảng toàn quốc đến nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”;...

Nhận rõ vai trò của công tác lý

luận, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác lý luận. Đảng ta cũng luôn xác định cán bộ là nhân tố quyết định của cách mạng, đã ban hành các nghị quyết, quy định về cán bộ. Mới đây, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về “Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa XI về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp”; Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Một số vấn đề cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”;...

Việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận, quy định về xây dựng Đảng đã được triển khai nghiêm túc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được nhiều kết quả tích cực; năng lực

lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao; phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới; vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt. Đa số cán bộ, đảng viên có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có ý thức phục vụ nhân dân, được nhân dân tin yêu. Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới là thành quả của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

b) Những việc chưa làm được

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Nổi lên một số vấn đề cấp bách sau:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ,

đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...

Đội ngũ cán bộ cấp trung ương, cấp chiến lược rất quan trọng, nhưng chưa được xây dựng một cách cơ bản. Công tác quy hoạch cán bộ mới tập trung thực hiện ở địa phương, chưa thực hiện ở cấp Trung ương, dẫn đến sự hẫng hụt, chắp vá, không đồng bộ và thiếu chủ động trong công tác bố trí, phân công cán bộ.

Nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” trên thực tế ở nhiều nơi rơi vào hình thức do không xác định rõ cơ chế, trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân; khi sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm. Do vậy, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ

hở cho cách làm việc tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân.

3. Tiếp tục thực hiện những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Đường Cách mệnh và Di chúc về xây dựng Đảng

Tình hình thế giới đang biến đổi rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường, sự tranh chấp giữa các nước lớn, giữa các lực lượng; sự mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa các quốc gia, các giai cấp, các dân tộc, các khu vực; sự biến đổi khí hậu toàn cầu; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ,... Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội với các thế lực đế quốc cực đoan, hiếu chiến đang diễn ra dưới nhiều hình thức mới, rất quyết liệt. Tình hình trong nước, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, Việt Nam phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập càng cần phải có sự lãnh đạo của Đảng và coi

trọng công tác xây dựng Đảng. Đây là nhân tố bảo đảm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng. Quán triệt và thực hiện những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong Đường Cách mệnh và Di chúc cần tiếp tục coi trọng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Coi trọng xây dựng Đảng về chính trị: Xây dựng Đảng về chính trị là công việc mang tính bản chất của Đảng, bao gồm: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nêu cao bản lĩnh chính trị,... Trong đó, đường lối chính trị là một vấn đề cốt lõi trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Điều đó đòi hỏi phải kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - là sợi chỉ đỏ

xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nâng cao lập trường chính trị, bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tinh chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; cán bộ cấp chiến lược; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển. Kiên quyết phòng, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại.

Coi trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng: Xây dựng Đảng về tư tưởng là xây dựng nền tảng của Đảng. Lý tưởng cách mạng là tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng

sản. Phải xác định kiên định niềm tin lý tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của xây dựng Đảng về tư tưởng. Nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả công tác tư tưởng. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Tiếp tục hoàn thiện lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phải đổi mới mạnh mẽ tư

duy, có những đột phá về lý luận. Khắc phục tình trạng bảo thủ, trì trệ trong công tác lý luận.

Coi trọng xây dựng Đảng về tổ chức: Phải tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng: nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nguyên tắc đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, nguyên tắc gắn bó mật thiết với nhân dân, nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; có năng lực hoàn thành nhiệm vụ; vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức,

phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng; có uy tín cao trong Đảng và trong nhân dân. Quản lý Đảng chặt chẽ, nghiêm minh. Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và cả hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng, là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về “Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy

tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ. Xử lý hài hòa, hợp lý các mối quan hệ: giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó tiêu chuẩn là chính; giữa xây và chống, trong đó xây là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản, lâu dài, chống là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; giữa đức và tài, trong đó đức là gốc; giữa tính phổ biến và tính đặc thù; giữa kế thừa, đổi mới và ổn định, phát triển; giữa thẩm quyền trách nhiệm cá nhân và tập thể. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: Kiên quyết sàng lọc, không để lọt vào cấp ủy khóa mới những người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất

đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, tiêu chuẩn chính trị và những điều đảng viên không được làm; quan liêu, cửa quyền, thiếu gắn bó mật thiết với nhân dân; bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng tới uy tín cơ quan, đơn vị, bản thân cán bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ không cao.

Coi trọng xây dựng Đảng về đạo đức: Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng “nền gốc” tinh thần vững chắc của Đảng, là xây dựng sức mạnh nội sinh của cách mạng.

Xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ căn cốt để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Nhận thức toàn diện về những nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh

nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức. Xây dựng nền tảng đạo đức của Đảng là giải pháp cơ bản, lâu dài và rất quan trọng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, để ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái, biến chất, bệnh quan liêu, tham nhũng. Biểu tượng cao đẹp, sức cuốn hút của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là những giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc thực hiện các chỉ thị của Đảng, về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhiều năm qua, có tác dụng giáo dục cán bộ, đảng viên phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng; là vấn đề mấu chốt để đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; thật sự đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; thật sự là tấm gương đạo

đức của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam; giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng để Đảng thật sự “là đạo đức, là văn minh”.

Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng là tổng thể các cách thức, hình thức, phương pháp, quy trình, lễ lối làm việc mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng nhằm thực hiện thắng lợi các nội dung lãnh đạo. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; tiếp tục xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Đảng lãnh đạo, cầm quyền phải có thực quyền, không chuyên quyền, độc đoán, nhưng cũng không rơi vào nguy cơ quyền lực của Đảng bị hình thức hóa. Đảng cầm quyền bằng thực quyền của Đảng, bằng chuẩn tắc dân chủ với xã hội; bằng đạo đức nêu

gương vì dân, có sức mạnh tự bảo vệ từ lòng dân. Muốn vậy, Đảng phải thật sự tiên phong về chính trị, tư tưởng, phải thật sự là đạo đức, phải vững mạnh về tổ chức, thống nhất ý chí, nhận thức, hành động để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, bản lĩnh cầm quyền. Tiếp tục thực hiện các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đây là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng và hiện nay đang là vấn đề rất quan trọng.

Thực hiện thật tốt những điều trên là cách tốt nhất để kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.289.

^{2,3,4,5} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, Tập 15, tr.621, 622.

⁶ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.66.

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI - NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRUYỀN THỐNG

● GS, TS ĐẶNG CẢNH KHANH

Viện Nghiên cứu Truyền thống và Phát triển

Như chúng ta đã biết, cho đến nay, hầu hết các nhà nghiên cứu về phát triển đã nhất trí trong việc khẳng định vai trò của sự đoàn kết cộng đồng như là một nhân tố cơ bản tạo ra sức bật mạnh mẽ cho các dân tộc châu Á trong đó có Việt Nam khi bước vào xã hội hiện đại.

Sự tôn trọng và duy dưỡng tính cộng đồng như là một đặc trưng nổi bật ở xã hội Việt Nam truyền thống. Tư tưởng cộng đồng, mặc dù trong suốt chiều dài lịch sử có thể tạo ra rất nhiều hạn chế như tư tưởng bình quân, sự kém năng động trong tư duy kinh tế, tâm lý sản xuất tự cấp tự túc, thái độ coi thường công nghệ... nhưng lại chính là cơ sở quan trọng để duy trì sự thống nhất chung, là linh hồn cho sự đoàn kết toàn dân

trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Gạt bỏ những hạn chế và tiêu cực sinh ra từ xã hội cộng đồng, chúng ta có thể thấy được sức mạnh cũng như nhân tố phát triển hàm chứa trong đó, những nhân tố mà không phải là dân tộc nào cũng có được.

Khác với quan niệm về “tự do cá nhân” của phương Tây, người Việt xưa bao giờ cũng đặt quyền lợi của cá nhân trong quyền lợi của cộng đồng. Trong trường hợp có mâu thuẫn quyền lợi của cá nhân với quyền lợi của cộng đồng thì về nguyên tắc, cá nhân phải chịu sự hy sinh vì quyền lợi chung. Bởi vậy quyền lợi cao nhất đối với mỗi cá nhân người Việt là quyền được có Tổ quốc, quyền được lao động, đấu tranh và hy sinh cho toàn thể cộng đồng. Nhờ có quan niệm sống như

trên mà dân tộc Việt Nam đã duy trì được một sự hài hòa trong các quan hệ xã hội, làm hạn chế phần nào sự phát triển của tính vị kỷ, để tạo ra được sức mạnh chung cho sự sinh tồn và chiến thắng ngoại xâm.

2. Quản lý xã hội theo nguyên tắc “một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, khi một con người tự giác, tận tâm làm tròn bổn phận của mình trước cộng đồng thì ngược lại cộng đồng cũng có trách nhiệm lo lắng, quan tâm tới họ, không bỏ rơi họ trong những lúc khó khăn hoạn nạn.

Hiếm có một dân tộc nào trên thế giới lại có được một mạng lưới tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau rộng rãi và bền chặt như dân tộc Việt Nam trước đây. Sự quan tâm đến nhau được quy định cụ thể trong hệ thống luật pháp của Nhà nước cũng như trong hương ước và lệ làng. Nó cũng được duy trì một cách tự giác ở chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, trong nội tại các gia đình, và rộng hơn nữa trong phạm vi cả một đất nước. Nhà nước thời nào cũng đều có lập “nghĩa thương” tức là những

kho dự trữ thóc gạo, hoa màu với mục đích cứu giúp cho dân nghèo những khi đói kém mất mùa, tổ chức khen thưởng, thậm chí phong phẩm hàm phẩm phục, miễn thuế miễn dịch cho những người hảo tâm quyên góp tiền gạo cứu giúp kẻ đói khổ. Nhiều triều đại còn khuyến khích các làng xã lập nhà “duỡng tế” để nuôi dưỡng những kẻ cùng khó tật nguyên, đặt lệ “cấp tuất” để giúp tiền chôn cất cho những người chết vì bệnh dịch, những lũ khách cô đơn chết đường chết chợ.

Đối với người cầm quyền, các bậc vua chúa, việc quan tâm đến đời sống của dân lành được coi như một giá trị đạo đức cao nhất. Những khi mất mùa, đói kém từ vua đến quan đều phải có ý thức tiết kiệm, nhiều ông vua đã ăn chay hàng tháng, lập đàn thờ cúng trời phật để mong cho dân tình tai qua nạn khỏi. Những lời nói về “nhân từ”, “khoan dung”, “phúc hậu” bao giờ cũng là một chuẩn mực quan trọng trong phép trị nước

Ngoài mối quan tâm chung của Nhà nước tới đời sống của nhân dân, những sự quan tâm, cứu giúp cho mỗi cuộc sống cá nhân và gia đình ở

các xã thôn rất cụ thể và thiết thực. Hầu hết các làng xã đều dành riêng ruộng đất và thóc gạo để làm những công việc từ thiện.

Có lẽ tình tương thân tương ái của người Việt Nam đã được thể hiện rõ nét và cụ thể nhất ở những sinh hoạt thường ngày tại cộng đồng. Chính trong sự dung dị của cuộc sống đời thường những sự quan tâm săn sóc lẫn nhau giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình đã đan kết lại chặt chẽ thành một mối dây vô hình vừa nhân nghĩa vừa tình cảm. Người dân quê Việt Nam thường tôn trọng sự quảng đại và rộng rãi. Họ không ích kỷ và luôn sẵn sàng tương trợ giúp đỡ người khác tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình “một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”, đó là triết lý sống rất giản dị và nguyên tắc quản lý xã hội của người Việt Nam

3. Bài học về vai trò của cộng đồng và quản lý xã hội trong xã hội truyền thống

Ở nước ta, việc tổ chức và quản lý điều hành xã hội trong một thời gian dài chưa có những quan tâm thật đầy đủ và đúng mức tới khía cạnh truyền thống của vấn đề nói trên. Chúng ta cũng chưa có những

nghiên cứu cần thiết để kế thừa những tinh hoa của dân tộc trong việc tổ chức và điều hòa những mối quan hệ xã hội, trong việc xử lý về quyền lợi và nghĩa vụ giữa cá nhân và cộng đồng cũng như trong vấn đề quyền của con người trong xã hội.

Từ khi giành lại được độc lập, các triều đại Việt Nam đều rất chú ý tới việc xây dựng một hệ thống lý thuyết và cơ chế để điều hành đất nước, gìn giữ lâu dài non sông đất nước. Bàn về đạo lý của người cầm quyền, và tầm quan trọng của việc quản lý, điều hành xã hội, Phan Huy Chú viết: “Có trời đất thì có con người. Loài người sinh ra rất nhiều, họp lại rất đông, phải có người thống trị để cai trị. Các bậc đế vương có bốn phạm chấn đất, trông coi thống trị dân chúng, tướng tá thì giúp đỡ để giữ gìn cho dân; Lại lấy đạo đức, giáo hóa và tiết nghĩa để ràng buộc thêm vào thì nước mới trị yên được”¹. Tuy nhiên trong giai đoạn đầu của nền độc lập, các triều đại Việt Nam cũng không thể đề ra ngay được tư tưởng quản lý đất nước của mình. Tuy nhiên dù trong bất cứ hoàn cảnh nào những nguyên lý về việc tôn trọng các giá trị cộng đồng

bao giờ cũng được xem như một nguyên tắc cơ bản nhất.

Cùng với đạo đức và hệ giá trị đoàn kết cộng đồng của dân tộc, cộng thêm với tư tưởng nhân đạo của Phật giáo, Nhà nước Việt Nam cũng đã dần dần xây dựng được chế độ hình pháp của mình. Chế độ đó khác với nho giáo thuần túy, đã có những nét riêng biệt xuất phát từ những tư tưởng nhân đạo truyền thống của người Việt Nam. Sử gia Phan Phù Tiên có chép lại rằng vào đời Trần Minh Tông trong hàng quan lại có nhiều người muốn đem phép trị nước của người Trung Hoa áp dụng vào Việt Nam, nhưng Vua Trần Nhân Tông đã khẳng định: “Nhà nước đã có phép nhất định, Nam Bắc có khác nhau nếu cứ nghe theo kế của mấy kẻ học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì nước sẽ sinh loạn”². Sau này chính Trần Nghệ Tông cũng nhắc lại chuyện này và nhấn mạnh thêm: “Triều trước dựng nước, tự có pháp độ, không theo chế độ của nhà Tống, là vì Nam Bắc đều là chủ nước mình, không phải dạy nhau.

Thời Đinh Lê, sau thời loạn của Thập nhị sứ quân, trật tự chưa được

lập lại, việc đưa cả nước vào khuôn phép là một việc rất khó khăn. Đinh Bộ Lĩnh đã phải sử dụng những hình phạt thật nghiêm khắc. Bản Kỷ Toàn thư quyển I ghi rõ: “Vua muốn lấy uy lực để bó buộc chế ngự thiên hạ mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ trong hầm, ra lệnh rằng: “Hễ ai trái phép phải chịu tội phanh thây xé xác!”. Ai nấy đều nép sợ không dám phạm tội”.

Nhà Lý không muốn sử dụng những hình phạt quá tàn bạo như thế đã dựa vào đạo Phật, để giáo dục việc thiện cho nhân dân, tạo ra những quan hệ khá tốt đẹp giữa vua chúa với nhân dân, giữa người dân với người dân trong xã hội cộng đồng dựa trên cơ sở nhà nước và cộng đồng nắm giữ quyền cai quản ruộng đất chung. Chính sách khoan hồng độ lượng đã động viên được nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, đánh dấu một thời kỳ chính trị của nước ta.

Thời nhà Lê, sự xuất hiện của bộ luật Hồng Đức đã cho thấy ở mức độ nhất định những giá trị kiến thức đáng khâm phục của cha ông chúng ta đối với việc quản lý xã hội theo

bản sắc riêng của Việt Nam. Luật Hồng Đức không chỉ có ý nghĩa như là một di sản của lịch sử mà còn là bằng chứng nói lên sự phát triển của văn hóa dân tộc, là những bài học bổ ích cho việc xây dựng và phát triển đất nước trên cơ sở tôn trọng quyền lợi chung của cộng đồng hiện nay.

Bản thân những học giả có tên tuổi ở thế giới cũng đã đánh giá rất cao các bộ luật của Việt Nam, nhất là ở những vấn đề mang tính nhân đạo khá sâu sắc về đoàn kết cộng đồng trong đó, đặc biệt là ở bộ “Quốc Triều Hình Luật” đời Lê.

Sau này, xuất phát từ lợi ích của nhân dân, Nguyễn Trãi cũng đã có những suy nghĩ sâu sắc về đức trị và pháp trị. Theo ông, một xã hội được duy trì và phát triển, không thể không có pháp luật và đạo đức. Nhưng pháp luật và đạo đức cần phải được xây dựng trên cơ sở một nền văn hiến ngày một cao của dân tộc. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, ông nêu quan điểm lấy “đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo”.

Sau những năm kháng chiến thành công, ông muốn tích cực đem

tài năng xây dựng nền văn hóa dân tộc trên mọi lĩnh vực: luật pháp, nghệ thuật, giáo dục. Ông chủ trương dùng văn trị, lấy văn hóa, tri thức mà trị nước: “Văn trị chung tu trí thái bình”. Theo ông, vấn đề xây dựng đất nước cuối cùng vẫn là lấy phát triển một nền tảng văn hiến làm cơ sở, trong đó cần phải tôn trọng những giá trị chung của toàn bộ cộng đồng. Đoàn kết cộng đồng là cơ sở để đo lường một nước suy nhược hay cường thịnh, lạc hậu hay văn minh, dã man hay nhân đạo. Ông cho rằng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều nhất thiết phải giải quyết trên cơ sở những kiến thức đầy đủ và sâu sắc.

Thực tế cho thấy, cho đến nay, việc nghiên cứu những kiến thức của cha ông chúng ta trong việc quản lý và điều hành xã hội cũng như những quan niệm về con người và việc xử lý mối quan hệ phức tạp giữa con người với con người trong truyền thống dân tộc cũng là một vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn.

Có thể coi Cách mạng tháng Tám là mốc son quan trọng làm thay đổi quan hệ xã hội và quản lý xã hội ở

Việt Nam. Xã hội cộng đồng gắn liền với chế độ sở hữu công điền công thổ, với sự đa dạng và phong phú trong nề nếp sinh hoạt ít đổi thay trong quá khứ đã bị xáo trộn sâu sắc. Trên thực tế có một cái gì đó vừa gần gũi vừa khác lạ, vừa hấp thụ vừa đùn đẩy lẫn nhau giữa các chuẩn mực của xã hội cộng đồng truyền thống với quá trình hình thành một xã hội mới hướng tới các quan hệ mang tính hiện đại vừa mở cửa, vận dụng kinh tế thị trường, vừa đề cao các giá trị nhân đạo với con người.

Tuy nhiên chế độ quản lý tập trung quan liêu bao cấp kéo dài trong nhiều năm đã không chỉ thúc đẩy những mặt tích cực trong xã hội cộng đồng truyền thống mà đồng thời cũng tạo ra miếng đất làm tái sinh và kéo dài

những mặt hạn chế của xã hội này, đặc biệt là những sự trì trệ trong tư duy và hoạt động kinh tế. Các động lực tự nhiên của sự phát triển kinh tế đã không được phát huy. Sự cạnh tranh năng động và hiệu quả của sản xuất đã bị đặt xuống dưới những chuẩn mực cứng nhắc về sự “công bằng” mà trong rất nhiều trường hợp đã được hiểu đồng nghĩa với sự bình quân. Các hoạt động sáng tạo của cá nhân trong những hoàn cảnh nhất định đã không vượt khỏi những khuôn mẫu cứng nhắc.

Chính điều đó trong một chừng mực nhất định lại tác động tới bản thân những mặt tốt đẹp vốn có của xã hội cộng đồng làm biến dạng và kìm hãm sức mạnh của nó. Hiện nay, khi nước ta chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều vấn đề mới đã nảy sinh và tác động trực tiếp tới cơ cấu

Trong những điều kiện của nền kinh tế thị trường, hơn bao giờ hết, chúng ta phải có sự nghiên cứu nghiêm túc hơn với những chuẩn mực truyền thống của đạo đức cộng đồng. Trước sự chia rẽ và cạnh tranh, trước những nguyên tắc lạnh lùng và khô cứng của lợi nhuận, chúng ta cần phải có những biện pháp về quản lý nhằm duy dưỡng những tình cảm nhân ái trong quan hệ cộng đồng, phát triển chúng theo một tinh thần mới.

và chuẩn mực của xã hội cộng đồng truyền thống.

Sự cạnh tranh lợi nhuận, sự phát triển kinh tế trong chừng mực chưa tương xứng với sự phát triển xã hội và văn hóa đã tạo ra những vấn đề phức tạp trong việc xử lý những mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa con người với cộng đồng, giữa gia đình với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân. Kinh tế thị trường với sự hình thành tự phát các tư tưởng về sự vị kỷ, chạy theo lợi nhuận bất chấp các giá trị nhân đạo truyền thống đã trở thành mối lo ngại chung cho toàn xã hội. Ở khu vực nào kinh tế thị trường càng phát triển mạnh thì khu vực đó tình đoàn kết hàng xóm láng giềng, mối quan tâm tương trợ giúp đỡ lẫn nhau lại càng giảm sút đi rõ rệt.

Có lẽ hiện nay, trong những điều kiện của nền kinh tế thị trường, hơn bao giờ hết, chúng ta phải có sự nghiên cứu nghiêm túc hơn với những chuẩn mực truyền thống của đạo đức cộng đồng. Trước sự chia rẽ và cạnh tranh, trước những nguyên tắc lạnh lùng và khô cứng của lợi nhuận, chúng ta cần phải có những biện pháp về quản lý nhằm duy

đưỡng những tình cảm nhân ái trong quan hệ cộng đồng, phát triển chúng theo một tinh thần mới. Điều đó chắc chắn sẽ không làm hạn chế sự phát triển của kinh tế thị trường mà còn góp phần điều chỉnh và khắc phục các mặt tiêu cực của nó thúc đẩy xã hội phát triển.

4- Phép nước, lệ làng và việc đổi mới, nâng cao vai trò của cộng đồng trong quản lý xã hội hiện nay

Ở nước ta, do sự tồn tại của một xã hội mà vai trò của cộng đồng hết sức to lớn có ý nghĩa quyết định tới đời sống của một cá nhân như đã phân tích ở trên, vấn đề quản lý và điều hành xã hội trên thực tế được tập trung vào việc giải quyết và xử lý mối quan hệ quyền lợi cá nhân, gia đình với quyền lợi chung của cộng đồng. Ở đây, quyền lợi của con người gắn bó chặt chẽ với lợi ích của toàn xã hội, nó biểu hiện tập trung trong quyền được có tổ quốc, nghĩa vụ phải lao động, đấu tranh và hy sinh cho toàn thể cộng đồng, đồng thời trách nhiệm của cộng đồng đối với đời sống của mỗi cá nhân.

Do những đặc điểm trên, vấn đề quan tâm đến con người với những

nhu cầu và quyền lợi thiết thực của nó trở thành một nền tảng quan trọng của việc điều hành xã hội nhằm tạo lập sự ổn định và phát triển của cộng đồng xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Những nội dung của việc xử lý các mối quan hệ xã hội đã được ghi nhận và khẳng định trong các tiêu chuẩn quy tắc đạo đức cũng như trong những bộ luật từ rất xa xưa ở nước ta. Những bộ luật này đã chứa đựng ít nhiều yếu tố tiến bộ, tích cực đối với con người.

Chẳng hạn trong bộ “Quốc Triều Hình Luật” những vấn đề về quyền của người phụ nữ, quyền lợi của những người già, cao tuổi, quyền được chăm sóc và được bảo vệ của trẻ em, quyền về gia tài, quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi vô tội .v.v... là đã mang tính nhân đạo sâu sắc. Các bản hương ước và những luật lệ cụ thể của các làng xã tại các vùng nông thôn nước ta, ngoại trừ những mặt tiêu cực và hạn chế của nó cũng cho thấy mức độ quan tâm nhất định của cộng đồng đối với những lợi ích thiết thực của mỗi cá nhân, trong đó có những quyền về việc tham gia đóng góp ý kiến xây

dựng đời sống cộng đồng chung, bầu cử các bộ máy quản lý và điều hành hoạt động xã hội, làng xã ... Điều đó đã phản ánh một sự thỏa hiệp nhất định trong những hoàn cảnh nhất định của giới cầm quyền đối với quyền lợi chung của nhân dân lao động, góp phần vào việc làm ổn định xã hội. Chính những quan tâm tới quyền lợi của con người với tính nhân đạo sâu sắc của nó trong truyền thống dân tộc đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ đất nước trước những thử thách quyết liệt có tính sống còn của dân tộc ta.

Một trong những đặc điểm quan trọng trong việc nghiên cứu về di sản văn hóa trong điều hành xã hội ở nước ta là sự tồn tại song hành trên thực tế một dạng thức kép giữa những nguyên tắc quản lý xã hội được ghi thành văn bản với những nguyên tắc được quy ước và công nhận không thành văn bản. Nói một cách cụ thể hơn, các chuẩn mực về hoạt động và hành vi của con người không phải chỉ được quy định trong luật pháp mà còn trong rất nhiều quy ước, thông lệ, tập tục, tập quán, đạo đức, giáo lý ...

Lịch sử của quá trình điều hành và quản lý xã hội ở nước ta trong truyền thống đã cho thấy vai trò của luật pháp trong rất nhiều trường hợp lại không phải là chủ yếu. Điều đó giải thích tại sao ở nhiều giai đoạn lớn của lịch sử, trong khi quốc gia thì chính trị chao đảo, nhà nước thì nghiêng ngửa nhưng nhiều cộng đồng nhỏ hơn ở địa phương, làng xã và gia đình vẫn giữ được những ổn định nhất định. “Phép vua thua lệ làng” không chỉ là câu tục ngữ quen thuộc nói về tính yếu ớt của pháp luật trong quá trình điều chỉnh các quan hệ xã hội mà còn khẳng định một đặc trưng khác trong việc điều hành xã hội ở Việt Nam - khẳng định vai trò tự quản của một cộng đồng xã hội.

Sự mở rộng vai trò tự trị và tự quản của các vùng và các địa phương đối với chính quyền trung ương là

một trong những nét đặc biệt trong việc tổ chức và điều hành xã hội trong xã hội Việt Nam truyền thống.

Thực tế đã chỉ ra rằng, những nguyên tắc, luật lệ gắn liền trực tiếp những hoạt động cụ thể của cá nhân lại được vạch ra và thi hành từ chính các địa phương, làng xã. Nó theo dõi, áp chế hành vi của con người từ đời này qua đời khác. Chính quyền trung ương có biến động, phép nước có đổi thay nhưng lệ làng và tập tục của địa phương thì vẫn cứ như vậy và dường như đã được khuôn cứng lại. Các bản hương ước của nhiều làng mà chúng ta biết được, cho đến nay đã là những bằng chứng quan trọng đối với việc

Sự mở rộng vai trò tự trị và tự quản của các vùng và các địa phương đối với chính quyền trung ương là một trong những nét đặc biệt trong việc tổ chức và điều hành xã hội trong xã hội Việt Nam truyền thống. Thực tế đã chỉ ra rằng, những nguyên tắc, luật lệ gắn liền trực tiếp những hoạt động cụ thể của cá nhân lại được vạch ra và thi hành từ chính các địa phương, làng xã.

tim hiểu không chỉ cung cách quản lý làng xã truyền thống mà còn là cơ sở để xem xét, đánh giá về việc tổ chức, quản lý con người và xã hội trước đây.

Bên cạnh luật lệ do địa phương làng xã đặt ra được ghi chép trong các hương ước, con người với tư cách cá nhân còn bị ràng buộc bởi những phong tục, tập quán, lễ thói khá nặng nề. Các phong tục này tùy theo từng địa phương mà có những biểu hiện khác nhau nhưng nhìn chung chúng đều kiểm soát và trói buộc con người một cách rất chặt chẽ. Những vi phạm nhẹ thì có thể nộp phạt bằng thóc gạo hoặc tiền bạc, nặng thì phải chịu các cực hình của làng xã, thậm chí gọt đầu bôi vôi, bị khinh bỉ căm ghét tới chết trong sự nhục nhã.

Trong một thiết chế xã hội mà luật pháp không mạnh, không được chú ý và tôn trọng, việc thi hành trên thực tế lại lỏng lẻo như trên, người dân thường chỉ tôn trọng những quy ước trong cộng đồng của mình. Họ sống theo những chuẩn mực đã được thống nhất, hễ có xung đột thì tìm cách hòa giải cho êm thấm và thường không thích thú gì khi phải dẫn nhau tới cửa quan kiện cáo, bởi lẽ: “Được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn”.

Trên thực tế người dân tôn trọng đạo đức hơn là tôn trọng pháp luật.

Giới cầm quyền cũng vậy, dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo, chỉ chú ý tới “luân thường đạo lý”, coi đó là quy tắc quan trọng nhất đối với việc cai trị. Phương thức quản lý xã hội tốt nhất đối với những người cầm quyền là phải “tu thân tích đức” để làm gương - nhà vua phải là một mẫu mực cao cả về đạo đức để có uy tín, dân nguỡng mộ làm theo mà thành những người lương thiện.

Với một nguyên tắc quản lý xã hội như vậy, nhà cầm quyền không phải o bế, thúc ép bằng bạo lực hành pháp nhưng người dân vẫn cứ tự nguyện cúi đầu vâng mệnh. Người dân có thể bị bóc lột, giam hãm trong cơ cực bần hàn nhưng vẫn không cảm thấy bị bó buộc, mất tự do, có thể bị xâm phạm tới quyền lợi cá nhân nhưng vẫn thấy hợp lý và không hề ca thán. Hành vi, cử chỉ của con người, trong trường hợp này đã gắn bó chặt chẽ với chính những thang bảng của giá trị đạo đức xã hội hơn là với những luật lệ của pháp luật. Bởi vậy, nghiên cứu đánh giá cái giá trị văn hóa truyền thống trong điều hành xã hội của cha ông chúng ta cũng chính là việc nghiên

cứu các chuẩn mực đạo đức xã hội của xã hội truyền thống.

Trong xu hướng chung của việc đổi mới toàn diện và sâu sắc ở nước ta hiện nay, sự đổi mới phương thức quản lý và điều hành xã hội đã được coi trọng đặc biệt. Vấn đề cải cách hành chính, tìm phương thức tốt nhất để tổ chức xã hội, tạo điều kiện cho mỗi người có khả năng, sức lực và tài sản của mình cho sự ổn định và phát triển đất nước được đặt ở vị trí trọng tâm của chiến lược xây dựng đất nước.

Tình hình thực tế trên đã làm xuất hiện ngày một rõ ràng hơn nhu cầu phải nghiên cứu, xem xét và đánh giá lại một cách khách quan những di sản văn hóa của cha ông chúng ta nhằm phát huy vai trò của cộng đồng trong điều hành và quản lý xã hội.

Những bài học truyền thống trong việc đấu tranh chống cơ chế hành chính quan liêu, chần chừ trật tự kỷ cương xã hội trong quá khứ là rất đáng quan tâm. Những bài học trong việc kết hợp giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý, giữa việc xử lý trên cơ sở tình nghĩa với những nguyên tắc chặt chẽ của các chuẩn mực và giá trị truyền thống cũng cần phải được xem xét và đánh giá lại theo những điều kiện mới.

Trong trường hợp này, có thể khẳng định rằng những kinh nghiệm trong việc tổ chức và điều hành xã hội truyền thống cần được xem là một trong những nhân tố “phi kinh tế” quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Phát huy sức mạnh của nhân tố này là hết sức cần thiết và quan trọng ■

¹ Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Hà Nội 1960, tr.25.

² *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 2, tr.161.



HƯỚNG TỚI MỘT MÔ HÌNH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

● GS, TS PHẠM QUANG MINH

● PGS, TS NGUYỄN TUẤN ANH

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong mấy thập kỷ vừa qua, quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các mục tiêu Thiên niên kỷ. Đặc biệt là đã thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh mặt thành công thì thực tiễn quản lý phát triển xã hội trong thời gian qua cũng đặt ra những tình huống mới mà nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường.

1. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, phân cực giàu nghèo thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, giữa nhóm giàu với nhóm nghèo, nhất là nhóm giàu nhất với nhóm nghèo nhất, giữa các nhóm dân tộc (người Kinh, người Hoa so với các dân tộc thiểu số khác), giữa khu vực nông thôn với thành thị, giữa các vùng, miền, giữa các tỉnh, thành phố trong một vùng hoặc trên phạm vi toàn quốc. Thêm nữa, sau khi Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo đa chiều, tình trạng phân cực giàu nghèo, bất bình đẳng được thể hiện trên nhiều chiều cạnh khác ngoài chiều cạnh

kinh tế. Trên thực tế, công tác giảm nghèo cho đến nay nhà nước vẫn đảm nhiệm vai trò chính, từ nguồn lực đến quá trình tổ chức thực hiện. *Trong khi đó, để lĩnh vực giảm nghèo hiệu quả hơn thì cơ chế phối hợp giữa nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân là thực sự cần thiết nhằm gia tăng nguồn lực phục vụ hoạt động giảm nghèo và đa dạng hóa những chiến lược giảm nghèo phù hợp từng bối cảnh cụ thể.*

Thứ hai, liên quan đến đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Đây là một trong những vấn đề then chốt đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng mà nhiều địa phương đạt được trong lĩnh vực đào tạo nghề thì việc đào tạo nghề cho người lao động cũng đặt ra nhiều vấn đề mới. Nhiều lý do khác nhau liên quan đến việc đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu, trong đó có một nguyên nhân quan trọng là việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, thị trường và tổ chức xã hội trong công tác đào tạo nghề chưa được đẩy mạnh. Thêm nữa, trên thực tế, các trung tâm dạy nghề của nhà nước chưa xây dựng

chương trình bổ túc tay nghề, nâng bậc thợ sát thực với các doanh nghiệp và phối hợp với doanh nghiệp để dạy nghề, tức là chưa chú trọng dạy nghề trên thực tế ở các doanh nghiệp, chưa chú trọng dạy nghề theo địa chỉ². Ngoài ra, nhiều lao động có nghề nhưng không có chứng chỉ nghề, nhất là đối với những nghề có tính chất gia truyền và người lao động học được những nghề này qua con đường truyền nghề, hoặc người lao động tự đi học nghề. Họ có kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp nhưng họ lại không tham gia chương trình đào tạo cụ thể nên họ không được cấp chứng chỉ nghề³. *Vì vậy, nhu cầu đặt ra đối với vấn đề này là cần có sự phối hợp tốt hơn giữa nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân trong công tác đào tạo nghề.*

Thứ ba, việc tham gia bảo hiểm tự nguyện ở nhiều địa phương rất hạn chế. Liên quan đến vấn đề này kết quả khảo sát ở bảy tỉnh, thành phố cho thấy có thể có nhiều lý do khác nhau dẫn đến một cá nhân cụ thể không tham gia bảo hiểm tự nguyện. Cụ thể là một bộ phận lớn người dân (47,3%) không có ý định tham gia bảo hiểm

xã hội tự nguyện vì không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; 22,1% người dân không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là do chế độ hưởng thấp; nhiều người dân không tham gia bảo hiểm tự nguyện (17,4%) vì không hài lòng chế độ chi trả bảo hiểm xã hội hoặc do thủ tục đăng ký phức tạp (16,1%), thậm chí không tham gia bảo hiểm tự nguyện là do không tin tưởng cơ quan bảo hiểm xã hội (10,1%) hay do không biết nơi đăng ký đóng bảo hiểm xã hội chiếm 9,8%. Thêm nữa, ở một số địa phương, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa trốn tránh việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. *Từ những vấn đề đặt ra như vậy cho thấy, một trong những cơ chế quan trọng để gia tăng diện bao phủ bảo hiểm xã hội là xây dựng cơ chế phối hợp tốt hơn giữa nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; và cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân.*

Thứ tư, đối với vấn đề bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Vẫn còn tình trạng nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa trốn

tránh việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Việc tham gia bảo hiểm tự nguyện ở nhiều địa phương cũng còn rất hạn chế.

Thứ năm, ở nhiều địa phương, bảo trợ xã hội được thực hiện tốt trên nhiều phương diện. Song điều đáng lưu ý là chế độ đối với các đối tượng bảo trợ xã hội chỉ hỗ trợ được một phần cuộc sống chứ không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của họ. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy nhiều hộ dân đã nhận được sự hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức, đoàn thể xã hội chiếm tỷ lệ 35,5%, hỗ trợ khác chiếm tỷ lệ 38,1%, một phần mười số người tham gia khảo sát nhận được trợ cấp hàng tháng của nhà nước (10,2%). Qua đó cho thấy sự hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức và đoàn thể xã hội đối với người dân rất quan trọng. Qua khảo sát, hầu hết người dân đánh giá vai trò quan trọng của các tổ chức tham gia thực hiện hỗ trợ khẩn cấp. Cụ thể là, khoảng 87,0% người dân đánh giá cao vai trò của chính quyền địa phương, vai trò quan trọng thứ hai là đoàn thể địa phương chiếm tỷ lệ 84,3%, vai trò quan trọng thứ ba là cộng đồng chiếm tỷ lệ 82,1%, vai trò

quan trọng thứ tư là Đảng ủy địa phương chiếm tỷ lệ 82,0%. Có 80,8% người dân đánh giá vai trò quan trọng là bạn bè người thân. Vai trò quan trọng thứ sáu là doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 66,8%. Có thể nói rằng một tỷ lệ lớn người dân cho rằng các nhóm đối tượng đều có vai trò quan trọng trong thực hiện hỗ trợ khẩn cấp. *Như vậy, điểm quan trọng ở đây là việc đảm bảo an sinh xã hội cần dựa vào cơ chế khai thác sức mạnh của thị trường và phát huy vai trò của nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội. Việc triển khai hệ thống an sinh xã hội cần dựa trên sự cạnh tranh, xã hội hóa, sự tham gia của tư nhân bên cạnh vai trò và nguồn lực của nhà nước.*

2. Đề xuất

Từ những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đã được đề cập, trên bình diện cơ chế, chúng ta cần chuyển từ cơ chế quản lý phát triển xã hội sang cơ chế quản trị xã hội nhằm giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, đảm bảo an sinh xã hội để đất nước phát triển nhanh và bền vững, cụ thể như sau:

Cho đến nay, nhiều quan điểm, góc nhìn khác nhau về quản trị và quản lý đã được đề xuất. Trước khi đi đến một

số nhận định chung, chúng ta có thể điểm qua một số quan điểm cụ thể. *Quan điểm thứ nhất cho rằng:* quản trị (governance) quan tâm đến cấu trúc, chức năng, quá trình và truyền thống mang tính tổ chức trong những môi trường của cương lĩnh/chương trình cụ thể để đảm bảo các cương lĩnh/chương trình đó vận hành và đạt được các mục tiêu một cách hiệu quả và minh bạch. Quản trị nhấn mạnh cung cấp định hướng và sự lãnh đạo chiến lược, xác lập và phê chuẩn chính sách, tài chính, nhân lực, kỳ vọng và xác nhận, kiểm tra sự thực thi để đạt mục tiêu. Ở góc độ khác, quản lý quan tâm đến quá trình hoạt động hàng ngày để thực hiện, triển khai cương lĩnh/chương trình trong bối cảnh chiến lược, chính sách, quá trình, thủ tục được thiết lập bởi chủ thể quản trị. Trong khi quản trị làm “điều đúng đắn” (doing the right thing) thì quản lý làm đúng những điều cần làm (doing things right)⁴. Ranh giới giữa quản trị và quản lý không phải lúc nào cũng rõ ràng, đối với những chương trình nhỏ, nhân sự ít, tài chính không nhiều thì việc quản trị và quản lý gần như hòa vào nhau

và thường thể hiện qua những quyết định quản lý thường ngày. Dưới góc nhìn này, chúng ta thấy quản trị gắn nghĩa với lãnh đạo.

Quan điểm thứ hai nhấn mạnh rằng rằng khái niệm quản trị được dùng để chỉ sự hợp tác/phối hợp của nhiều hình thức tương tác công - tư khác nhau. Quản trị chính là quá trình kết hợp nhiều chủ thể khác nhau và hàm ý một hình thức quản lý mang tính mạng lưới. Quản trị thường được đề cập trong những bối cảnh mà ở đó Nhà nước có thể không giữ vị trí đặc biệt/chi phối. Với quan điểm xuất phát như thế, quản trị nhấn mạnh đến việc chuyển đổi/giảm bớt quyền lực mang tính thể chế truyền thống của chính phủ theo hai hướng: thứ nhất là chuyển lên cho các thể chế/chủ thể xuyên quốc gia và thể chế/chủ thể vùng/hay khu vực. Nhìn một cách tổng thể, quản trị xã hội là quá trình chính phủ, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân là những đối tác hợp tác bình đẳng để điều chỉnh và quản lý các vấn đề xã hội/social affairs⁵.

Trong quá trình quản trị, quyền lực của chính phủ, thị trường và xã hội

cùng tồn tại. Tuy nhiên, quyền lực của chính phủ, thị trường và xã hội không cân bằng. Vì thế, ba con đường của quản trị xã hội có thể là: *Thứ nhất*, thị trường là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến cơ chế cạnh tranh, quản lý doanh nghiệp, công nghệ. *Thứ hai*, Nhà nước là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến tương tác giữa các tổ chức công và vai trò quan trọng của Nhà nước. *Thứ ba*, xã hội là trung tâm. Con đường này nhấn mạnh đến sự tương tác giữa các tổ chức công và xã hội với quan điểm việc ra quyết định nên từ dưới lên và phản ánh ý kiến của đại chúng/công chúng.

Dưới một góc nhìn khác, quản lý phát triển xã hội có mục tiêu đảm bảo rằng các chính sách xã hội và các chương trình giải quyết các vấn đề xã hội then chốt một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị, từ đó thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng. Quản lý trong lĩnh vực quản lý phát triển xã hội bao gồm các quá trình phân tích/xác định vấn đề, lên kế hoạch, thiết kế và lập chương trình cũng như các quá trình chính trị và quan hệ để đối thoại, huy động, thảo luận, xây dựng sự đồng thuận và đưa

ra quyết định. Quản lý trong lĩnh vực quản lý phát triển xã hội bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn đối với việc triển khai các chiến lược và các hành động theo quy trình, xây dựng thông tin liên quan/thích đáng, tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh và thậm chí thiết kế lại chiến lược. Quản lý trong lĩnh vực quản lý phát triển xã hội bao gồm một tiếp cận tích hợp liên kết với các quá trình khác nhau gắn liền với việc tạo dựng các giá trị.

Kết thừa và chắt lọc những quan điểm lý luận đa chiều ở trên, có thể cho rằng: quản lý phát triển xã hội chính là quá trình thực hiện các chính sách xã hội và các chương trình nhằm giải quyết các vấn đề xã hội then chốt một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị, từ đó thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng. Về mặt thực tiễn, quản lý phát triển xã hội là quá trình bao gồm xác định/phân tích vấn đề xã hội cần giải quyết, lên kế hoạch, thiết kế và lập chương trình, huy động nguồn lực, đối thoại, thảo luận, xây dựng sự đồng thuận và đưa ra quyết định, triển khai các chiến lược và các hành động theo quy trình, xây dựng thông tin liên quan/thích

đáng, tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh và thiết kế lại chiến lược thực hiện chính sách và chương trình nếu cần thiết. Như vậy, quản lý phát triển xã hội nhấn mạnh đến việc chủ thể giải quyết các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị, từ đó thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng.

Trong khi đó, như đã nói ở trên, quản trị xã hội là quá trình chính phủ, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân là những đối tác hợp tác bình đẳng để điều chỉnh và quản lý các vấn đề xã hội. Như vậy, quản trị xã hội hay quản trị phát triển xã hội là một bước phát triển so với quản lý phát triển xã hội. Từ việc phân tích, trình bày, và bàn luận các quan điểm về quản trị và quản lý phát triển xã hội ở trên, có thể quan niệm: Quản lý phát triển xã hội là quá trình chủ thể quản lý thực hiện các chương trình, chính sách để giải quyết các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị; từ đó thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng. Quản trị xã hội là quá trình hợp tác của các chủ thể bao gồm chính phủ, các tổ chức xã hội,

doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân để điều chỉnh và quản lý các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị để thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng.

Dưới góc nhìn quản lý phát triển xã hội và quản trị phát triển xã hội thì thực tiễn ở Việt Nam chúng ta chủ yếu chỉ dừng lại ở quản lý phát triển xã hội chứ chưa rõ nét quản trị phát triển xã hội. Cụ thể là vai trò của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể trong quản lý phát triển xã hội được thể hiện trên nhiều phương diện. Trước hết các chủ trương đường lối, luật pháp, chính sách luôn thể hiện rõ vai trò của Đảng và Nhà nước cùng các tổ chức đoàn thể trong quản lý xã hội trên các phương diện giải quyết bất bình đẳng, phân cực giàu nghèo, phân tầng xã hội, giải quyết mâu thuẫn xung đột xã hội, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an ninh con người, an sinh xã hội. Thực tế thực hiện các chủ trương, chính sách ở các địa phương cũng thể hiện rõ vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể trong quản lý phát triển xã hội trên những phương diện này. Tuy nhiên, hiệu quả của việc giải quyết các vấn đề

xã hội cũng còn ở chừng mực nhất định. Thêm nữa, việc hợp tác giữa chính quyền, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và các cá nhân để điều chỉnh và quản lý các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị để thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng vẫn còn những hạn chế. *Nói cách khác, vấn đề đặt ra là phải định hướng chuyển từ quản lý phát triển xã hội sang quản trị phát triển xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, hiệu lực, và có giá trị nhằm thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng.*

3. Kết luận

Vấn đề đặt ra là những điểm nào cần chú trọng trong đổi mới thể chế chính trị ở Việt Nam nhằm góp phần quản lý phát triển xã hội. *Trong bối cảnh hiện nay, đổi mới thể chế chính trị ở Việt Nam góp phần quản lý phát triển xã hội phải chú trọng đến nâng cao chất lượng của thể chế. Việc nâng cao chất lượng thể chế nên tập trung vào ba điểm.*

Thứ nhất là nâng cao trách nhiệm giải trình của thể chế (accountability), tức là trách nhiệm và ứng xử của thể

chế đối với nhu cầu của công dân. Điều này nhấn mạnh rằng cấu trúc các cơ quan nhà nước phải đủ linh hoạt để thiết kế và thực hiện có hiệu quả các chương trình, các dự án. Thêm nữa, trách nhiệm giải trình của thể chế còn thể hiện qua việc thiết lập hệ thống các tiêu chí để đo lường sự thi hành nhiệm vụ của các những người làm việc trong các cơ quan nhà nước và cơ chế để đảm bảo những tiêu chí đó được thực hiện. Ngoài ra, trách nhiệm giải trình của thể chế còn phản ánh cơ chế đánh giá sự thực thi nhiệm vụ của thiết chế. *Thứ hai* là minh bạch (transparency). Minh bạch đề cập đến sự sẵn có thông tin dành cho công chúng và sự rõ ràng của các quy định, quyết định của các cơ quan nhà nước. Minh bạch giúp giảm bớt sự thiếu chắc chắn và tham

những của những người làm việc trong hệ thống các cơ quan nhà nước. *Thứ ba* là sự dự báo được hay tính nhất quán trong việc áp dụng chính sách, luật pháp (predictability). Điều này được phản ánh qua sự đầy đủ của luật, quy định, chính sách và sự công bằng cũng như nhất quán trong việc áp dụng các luật, quy định, chính sách. Những cơ sở này giúp mọi người biết được/dự đoán được những cách thức hành động, quyết định và kết quả, hệ quả của các hành động, quyết định của những người có thẩm quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước. Trên đây là ba điểm quan trọng trong đổi mới chất lượng thể chế ở Việt Nam để nâng cao hiệu quả của thể chế trong quản lý phát triển xã hội đảm bảo đất nước phát triển nhanh và bền vững ■

¹ Tọa đàm với Phó Giám đốc sở và cán bộ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh

² Tọa đàm với Phó Giám đốc sở và cán bộ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh

³ Elaborates on IEG's Phase 2 report of the World Bank's involvement in global programs; p.71.

⁴ Liu, Jinfa. 2014. From social management to social governance: social conflict mediation in China. *Journal of Public Affairs*, Volume 14, Number 2, pp.93-104.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT TẠI CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRIỀU TIÊN

Thực hiện kế hoạch hoạt động đối ngoại của Hội đồng Lý luận Trung ương năm 2019, Đoàn cán bộ của Hội đồng Lý luận Trung ương đã đi nghiên cứu, khảo sát thực tế tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 08 tháng 6 năm 2019, tìm hiểu về: (1) Phương thức cầm quyền của Đảng Lao động Triều Tiên; (2) Hệ thống chính trị và hoạt động của hệ thống chính trị ở Triều Tiên; vai trò của Đảng và Nhà nước trong hoạt động và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; (3) Quan niệm của Triều Tiên về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới đây là một số kết quả bước đầu qua nghiên cứu, khảo sát tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên:

1. Về lĩnh vực lý luận và xây dựng Đảng

- Bạn khẳng định cơ sở lý luận của cách mạng Triều Tiên là học thuyết Chủ thể do lãnh tụ Kim Nhật Thành khởi xướng. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VII của Đảng Lao động Triều tiên, Bạn gọi đó là “Chủ nghĩa Kim Nhật thành - Kim Châng II”. Văn kiện Đại hội VII Đảng Lao động Triều Tiên cũng không nhắc đến chủ nghĩa Mác-Lênin. Phát biểu của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội khẳng định sự khác nhau cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Chủ thể là: Chủ nghĩa Mác-Lênin coi sản xuất vật chất làm nền tảng cho sự tồn tại xã hội, còn tư tưởng Chủ thể của Triều Tiên lấy con người làm nền tảng. Từ quan niệm này, Triều Tiên nhấn mạnh vai trò của tự lực cánh sinh, đề cao tinh

thần tự lực, tự cường để phát triển; chú trọng nhân tố con người và chăm lo cho con người.

- Về Đảng, mặc dù tiền thân của Đảng Lao động Triều Tiên là Đảng Cộng sản Triều Tiên, thành lập từ năm 1925, nhưng hầu như Bạn không nhắc đến Đảng Cộng sản, thỉnh thoảng mới nói đến Đảng Lao động Triều Tiên, còn chủ yếu nói về lãnh tụ theo thứ tự: Lãnh tụ vĩ đại Kim Nhật Thành; lãnh tụ vĩ đại Kim Châng Il và lãnh tụ kính yêu Kim Châng Un. Tại các phòng truyền thống của tất cả các cơ quan, nhà máy, hợp tác xã, trường học, bệnh viện... nơi Đoàn đến thăm, nội dung trưng bày chủ yếu là sự quan tâm, hình ảnh các chuyến thăm của lãnh tụ đến cơ quan, đơn vị.

- Về cơ sở xã hội, Đảng Lao động Triều Tiên lấy biểu tượng gồm búa, bút lông và liềm, trong đó, bút tượng trưng cho trí thức ở giữa và cao hơn búa và liềm. Bạn giải thích, sở dĩ bút lông đặt cao hơn búa và liềm chính là quan điểm của Lãnh tụ vĩ đại Kim Nhật Thành coi trọng trí thức, coi trí thức là bộ phận quan trọng nhất trong đấu tranh giải

phóng cũng như trong xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong các trường học của Triều Tiên, học sinh, sinh viên không học các môn học lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin mà học Triết học tư tưởng chủ thể, Kinh tế học chủ thể và Tư tưởng chủ thể. Bạn đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền, nhất là tuyên truyền về lãnh tụ trong xã hội. Trên đường phố có rất nhiều ảnh lãnh tụ Kim Nhật Thành và Kim Châng Il, được đặt tại những nơi trang trọng, đẹp nhất. Tại tất cả các cơ quan, nhà máy, hợp tác xã đều có phòng truyền thống tuyên truyền về các chuyến thăm hay sự quan tâm của lãnh tụ trong các thời kỳ. Mọi cán bộ cũng như người dân đều đeo trên ngực áo huy hiệu lãnh tụ (huy hiệu hai người là Kim Nhật Thành, Kim Châng Il hoặc 1 người). Nghe giới thiệu, đó là hành động tự giác, mà hoàn toàn tự nguyện. Huy hiệu lãnh tụ như một dấu hiệu phân biệt người Triều Tiên với người nước ngoài. Huy hiệu lãnh tụ được đặc biệt trân trọng, được trao cho từng người theo cơ quan, tổ chức, đơn vị

hành chính, không có bán ở bất cứ đâu, không trao tặng cho khách nước ngoài.

- Về mục tiêu phấn đấu của Triều Tiên hiện nay, trong các buổi tiếp xúc, phía bạn nhấn mạnh đến vai trò của Chủ tịch Kim Châng Un, với mục tiêu: làm cho Triều Tiên thành cường quốc về chính trị, cường quốc về quân sự và cường quốc về kinh tế. Bạn khẳng định, dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ Kim Nhật Thành, Kim Châng Il, đặc biệt là Kim Châng Un, Triều Tiên đã là cường quốc về chính trị, cường quốc về quân sự, khoa học, kỹ thuật, công nghệ và đang phấn đấu thành cường quốc về kinh tế.

2. Về kinh tế và chính sách kinh tế

- Trong các bài phát biểu tại các buổi gặp gỡ, trao đổi chính thức, Bạn không hề nhắc đến tình hình kinh tế và chính sách kinh tế. Riêng trong buổi tiếp Đoàn, đồng chí Phó Chủ tịch Trung ương Đảng có nói về những khó khăn về đảm bảo nguồn điện, đảm bảo lương thực và khẳng định, ngay cả khi phải ăn vỏ cây thì nhân dân Triều Tiên vẫn trung thành với lãnh tụ, vẫn kiên quyết

bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng chí cũng cho biết đã nhận được thông tin về tàu chở lương thực từ Việt Nam đã rời cảng sang Triều Tiên, Đoàn cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam sắp sang Triều Tiên nghiên cứu về trồng lúa trên đất nhiễm mặn và bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ của Việt Nam.

- Qua tìm hiểu và quan sát thấy Triều Tiên vẫn đang thực hiện cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung và chế độ bao cấp toàn dân. Do ảnh hưởng của cơ chế kinh tế và từ sự phong tỏa, cấm vận về kinh tế của Mỹ và các nước phương Tây, từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, kinh tế Triều Tiên bị đình trệ, từ một quốc gia có thu nhập trung bình cao (theo nhiều đánh giá của các chuyên gia quốc tế, khoảng 5.000 USD/người/năm) trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp (khoảng 1.000 USD/người/năm). Trong thập niên 2000, nền kinh tế Triều Tiên khởi sắc hơn. Từ năm 2007, Triều Tiên không còn phải nhận viện trợ lương thực và đã tự đáp ứng được nhu cầu lương thực

trong nước (nhưng năm nay đang gặp khó khăn về lương thực do hạn hán). Nhiều công trình hiện đại được xây dựng, như khu phố Bình Minh ở Bình Nhưỡng, các khu vui chơi, trường học, trung tâm chăm sóc trẻ mồ côi... được đưa vào sử dụng.

- Tại thành phố Bình Nhưỡng, Nhà nước xây dựng các khu chung cư cao tầng, cấp không thu tiền cho cán bộ, công chức, nhân dân. Nhà nước vừa hoàn thành khu nhà mới rất đẹp, hiện đại, cấp miễn phí cho các nhà khoa học, các giảng viên của đại học. Trong các khu nhà cao tầng đều có cửa hàng bán phân phối các nhu yếu phẩm cho người dân. Nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung nên thiếu hàng hóa tiêu dùng. Tuy nhiên, Triều Tiên quản lý rất tốt việc buôn bán qua biên giới với Trung Quốc, vẫn vận chuyển được hàng tiêu dùng từ Trung quốc về Triều Tiên, trong khi kiểm soát rất chặt và chống được buôn lậu qua biên giới. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống nhân dân, nhưng không thấy Bạn nhắc gì đến việc điều chỉnh, thay đổi cơ chế kinh tế,

chuyển sang sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường.

3. Về giáo dục, đào tạo

Qua nghiên cứu cho thấy, giáo dục, đào tạo Triều Tiên được quan tâm và đạt nhiều thành tựu. Triều Tiên là một trong những quốc gia có học vấn cao nhất trên thế giới, với một tỷ lệ dân số biết chữ trung bình là trên 99%. Giáo dục miễn phí và bắt buộc từ nhà trẻ, mẫu giáo cho đến trung học và miễn phí toàn bộ cho đến hết đại học. Từ năm 2012, Triều Tiên cải cách giáo dục sang chế độ 12 năm, bao gồm: một năm mẫu giáo, năm năm giáo dục tiểu học, ba năm giáo dục trung học cơ sở và ba năm giáo dục trung học phổ thông. Cao học không bắt buộc, được chia thành hai hệ thống: học tập giáo dục đại học và học giáo dục đại học để tiếp tục học cao hơn. Học tập giáo dục đại học bao gồm ba loại trường đại học, trung học chuyên nghiệp, và trường kỹ thuật. Tốt nghiệp thạc sĩ và nghiên cứu cấp tiến sĩ thuộc về trường đại học.

Về nội dung, Triều Tiên dành nhiều thời gian trong chương trình học về “Chủ tịch Vĩ đại Kim Nhật

Thành”, tư tưởng Chủ thể Kim Nhật Thành và đã chính thức gọi là “Chủ nghĩa Kim Nhật Thành - Kim Châng Il”. Hai trường đại học lớn là Đại học Kim Nhật Thành và Đại học Khoa học và Công nghệ Bình Nhưỡng. Trường Đại học Kim Nhật Thành gồm nhiều khoa như: Kinh tế, Lịch sử, Triết học, Luật, Tiếng nước ngoài, Văn học, Địa lý, Vật lý, Toán, Hóa, Năng lượng hạt nhân, Sinh học và Khoa học máy tính. Để bắt kịp thời đại thông tin, sinh viên đại học nào có tài về máy tính sẽ được miễn nhiều môn như lý, hóa, sinh, trừ môn học chính và môn Lịch sử cách mạng của Kim Nhật Thành và Kim Châng Il. Việc giáo dục học tập khi trưởng thành hoặc làm việc nghiên cứu luôn được hỗ trợ tích cực. Người dân ở các vùng nông thôn đã được tổ chức vào “gia đình năm người”, những nhóm này có chức năng giáo dục và giám sát. Nhân viên văn phòng và nhà máy có hai giờ để “học thêm” sau khi làm việc mỗi ngày về các chủ đề chính trị và kỹ thuật. Nhìn chung, xã hội Triều Tiên thể hiện là xã hội học tập. Tại Trường Đại

học Kim Nhật Thành cũng như các trường chuyên phổ thông được trang bị các tiện nghi của một trường tiên tiến với các giảng đường hiện đại và khu thể thao phức hợp dành cho học sinh xuất sắc để đào tạo học sinh có chất lượng cao.

4. Về khoa học, kỹ thuật, công nghệ

Dù quy mô nền kinh tế khá nhỏ và dân số khá ít, Triều Tiên vẫn duy trì được nền khoa học ở trình độ cao với nhiều thành tựu về khoa học, kỹ thuật, không chỉ trong lĩnh vực quân sự mà cả trong lĩnh vực dân sự, tiến tới mức của các nước phát triển trên thế giới. Tới 2010, Triều Tiên đã tự sản xuất toàn bộ cả phần cứng lẫn phần mềm của điện thoại thông minh, máy tính bảng. Năm 2014, Triều Tiên bắt đầu tiến hành phổ cập pin năng lượng mặt trời cho hàng trăm ngàn hộ dân và xây dựng cả một khu đô thị sử dụng năng lượng tái tạo ở Thủ đô. Triều Tiên tự xây dựng một mạng intranet riêng để cung cấp thông tin cho người dân, không kết nối với bên ngoài. Cán bộ, công chức Triều Tiên sử dụng điện thoại di động phổ biến trong khuôn khổ mạng điện thoại di động của

Triều Tiên, không có kết nối quốc tế. Năm 2015, Triều Tiên bắt đầu tự sản xuất máy bay hạng nhẹ An-2 dựa theo thiết kế của hãng Antonov của Nga và loại phi cơ Cessna 172 Skyhawk của Mỹ... Năm 2017, Triều Tiên đã trở thành 1 trong 7 quốc gia trên thế giới tự chế tạo được bom nguyên tử và tên lửa đạn đạo liên lục địa. Bạn cũng tuyên bố đã chế tạo được bom H. Tháng 12-2012, Triều Tiên đã phóng thành công tên lửa mang vệ tinh do nước này tự chế tạo lên vũ trụ, trở thành một trong số ít các quốc gia làm chủ được công nghệ vũ trụ... Có thể nói, chính sách tôn trọng trí thức và tinh thần tự lực tự cường đã mang lại những kết quả cụ thể của Triều Tiên trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

5. Về các lĩnh vực xã hội

- Điểm nổi bật và đáng nghiên cứu là thực hiện chính sách xã hội của Triều Tiên. Bạn thực hiện chính sách bao cấp của Nhà nước về nhà ở, y tế, giáo dục cho toàn dân. Hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, không có trường tư; trẻ em đi học không mất tiền. Các bệnh viện đều được Nhà nước xây dựng và lo mọi chi phí

chữa bệnh cho toàn dân. Các bệnh viện đầu ngành (nơi đoàn đến thăm) được trang bị các thiết bị máy móc khá hiện đại của nhiều nước, chủ yếu của Trung Quốc. Việc quản lý các hoạt động giáo dục, chữa bệnh có sự thống nhất chung, không có hiện tượng quá tải của các bệnh viện hay trường học tại Triều Tiên.

- Về phúc lợi xã hội chung cho nhân dân, nhất là cho trẻ em, trí thức, Triều Tiên làm được nhiều việc. Cung thiếu nhi Vạn Cảnh Đài mới xây dựng năm 2015 rất khang trang, hiện đại (theo chỉ đạo của Kim Châng Un), dùng làm nơi sinh hoạt cho trẻ em ở Bình Nhưỡng, có 150 phòng học, khu luyện tập thể dục, thể thao trong nhà, nhà hát sân khấu hiện đại với cả nghìn chỗ ngồi. Các nhà trẻ, mẫu giáo, ngay tại các hợp tác xã nông nghiệp cũng được quan tâm đầu tư. Nhà nước đầu tư xây dựng khu nhà ở rất hiện đại cho giảng viên đại học và các nhà khoa học... Các trung tâm biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao công cộng, xe điện ngầm phục vụ nhân dân với giá rất rẻ để nhiều người dân có thể được thụ hưởng. Sân vận động trong

nhà dành để biểu diễn xếp hình và trình diễn thể dục nghệ thuật được xây dựng hiện đại phục vụ thường xuyên cho người xem với giá vé rất rẻ. Hai tuyến xe điện ngầm của Bình Nhưỡng chuyên chở 800.000 đến 1 triệu khách một ngày (dân số Bình Nhưỡng có 2 triệu người), nên góp phần làm cho đường phố rất thoáng, vắng người đi lại.

- Việc quản lý dân cư của Triều Tiên khá chặt chẽ. Người dân các tỉnh đi đến Bình Nhưỡng phải có giấy thông hành, nên số lượng cư dân các địa phương đổ về Bình Nhưỡng rất ít. Trong việc quản lý người dân Thủ đô có chế độ khen thưởng, kỷ luật rất chặt chẽ, nên người dân có thói quen chấp hành các quy định về giao thông, đi lại trên vỉa hè, giữ gìn trật tự vệ sinh trong thành phố. Ở Bình Nhưỡng hầu như không có khái niệm trộm cắp, ma túy, mại dâm, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội. Trật tự công cộng, an ninh xã hội do vậy cũng rất tốt. Trẻ em từ 6 tuổi trở lên đều tự đi đến trường, kể cả bằng các phương tiện giao thông công cộng, không cần có người lớn đưa đi.

- Việc quản lý xây dựng ở Bình Nhưỡng rất nghiêm. Thành phố bị san phẳng trong chiến tranh 1950-1953, được xây dựng lại theo quy hoạch do các chuyên gia Liên Xô giúp, nên rất đẹp, đường phố rộng rãi, nhiều cây xanh. Trong thành phố chỉ có chung cư cao tầng, không có biệt thự, nhà thấp tầng. Bạn cho biết, tất cả cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước Triều Tiên cũng ở trong các căn hộ chung cư cao tầng... Điều đáng lưu ý là từ 1953 đến nay, quy hoạch của thành phố vẫn được giữ nguyên, không hề bị thay đổi, điều chỉnh.

6. Về quan hệ đối ngoại

- Trong các buổi tiếp xúc, trao đổi của Đoàn, phía Bạn ít nói về quan hệ đối ngoại của Triều Tiên hiện nay, trừ một vài lần nhắc đến chiến tranh chống Mỹ 1950-1953, cấm vận của Mỹ và Liên Hợp quốc hiện nay, nhưng thái độ chung không thể hiện sự gay gắt, lên án, chống Mỹ một cách mạnh mẽ. Qua quan sát cho thấy, Trung Quốc có vai trò rất lớn đối với Triều Tiên cả trong quá khứ và hiện đại.

- Bạn cố gắng làm nổi lên sự đoàn kết của nhân dân thế giới với Triều

Tiên, ủng hộ tư tưởng chủ thể, chống bao vây cấm vận của Mỹ, nhưng có nhiều hạn chế. Tại Tháp Chủ thể, bạn gắn biển đá ghi tên các tập thể và cá nhân ủng hộ tư tưởng này ngay trên 3 mặt tường đối diện cửa vào. Tuy nhiên, đa phần những người ủng hộ đều là những cá nhân nghiên cứu tư tưởng này của Nam Á, châu Phi, một số cá nhân người châu Âu (không có người Việt Nam). Khu trưng bày các tặng phẩm quốc tế dành cho các lãnh tụ qua các thời kỳ nhiều nhất là của Trung Quốc, Nga (trong những năm gần đây), các công ty của Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, các nước châu Phi, châu Mỹ - Latinh, Nam Á...

- Trong lĩnh vực du lịch, bạn đã mở cửa cho các đoàn khách du lịch nước ngoài đến thăm Triều Tiên, đông nhất là các đoàn khách của Trung Quốc, một số đoàn khách đến từ các nước châu Âu, Mỹ, Việt Nam. Bạn kiểm soát rất chặt chẽ hoạt động của các đoàn, khách du lịch chỉ được đi đến những nơi theo quy định; chỉ được mua hàng bằng ngoại tệ (trả lại tiền thừa bằng ngoại

tệ mình mua hoặc bằng nhân dân tệ của Trung Quốc). Không có nơi đổi tiền từ ngoại tệ sang nội tệ (đồng won). Các phương tiện giao thông không được tự ý chở khách du lịch nước ngoài.

7. Về quan hệ với Việt Nam

Bạn nhấn mạnh đến quan hệ Triều Tiên - Việt Nam đang bước sang giai đoạn mới sau chuyến thăm Việt Nam chính thức của Kim Châng Un được lãnh đạo và nhân dân Việt Nam đón tiếp nồng nhiệt. Tuy không nói ra nhưng có thể hiểu trong mấy năm gần đây, quan hệ giữa Triều Tiên và Việt Nam đã xuống mức thấp, chỉ được thúc đẩy phát triển trong mấy tháng gần đây. Lãnh đạo cấp cao của Đảng Lao động Triều Tiên khi tiếp đoàn cũng cảm ơn về sự đón tiếp của Việt Nam trong chuyến thăm của Kim Châng Un. Ở tất cả các cấp qua tiếp xúc, Bạn không nói gì về kinh tế thị trường, mô hình phát triển và việc nghiên cứu kinh nghiệm của Việt Nam. Việc hợp tác với Việt Nam chỉ được đề cập đến trong lĩnh vực phối hợp nghiên cứu giống lúa chịu mặn trên đất Triều Tiên ■

HỘI THẢO “QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0”

Sáng 28-6-2019, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Trường Đại học khoa học xã hội & nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức Hội thảo “Quản lý phát triển xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. Đồng đạo các nhà khoa học, nhà quản lý của trường, Hội đồng Lý luận Trung ương và nhiều cơ quan khoa học đã tới tham dự hội thảo. PGS.TS Phạm Văn Linh, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, GS.TS Phạm Quang Minh, Hiệu trưởng trường Đại học khoa học xã hội & nhân văn đồng chủ trì hội thảo.

Trong những năm đổi mới vừa qua, cùng với tăng trưởng kinh tế, quản lý phát triển xã hội có vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy phát

triển nhanh và bền vững đất nước. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội... Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gia tăng hàng năm. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các mục tiêu Thiên niên kỷ. Đặc biệt là đã thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Quan tâm thực hiện chính sách chăm sóc người có công. Đã thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, giảm

nghèo bền vững, chăm sóc sức khỏe cho người dân đồng thời tạo điều kiện để người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro trong đời sống, kinh tế, xã hội và môi trường. Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên... Tuy nhiên, bên cạnh mặt thành công thì thực tiễn quản lý phát triển xã hội trong thời gian qua cũng đặt ra những vấn đề mới mà nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm... Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; ...; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng, ... chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người.

Để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển trong

khâu vực cũng như trên thế giới, vấn đề đặt ra là trong quá trình đổi mới hiện nay, bên cạnh đổi mới kinh tế, đổi mới thể chế chính trị, cần đặc biệt quan tâm tới đổi mới quản lý phát triển xã hội để vừa đáp ứng mục tiêu tăng trưởng nhanh về kinh tế lại vừa đảm bảo sự ổn định xã hội, gia tăng phúc lợi, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của các nhóm xã hội, và bảo vệ môi trường.

Sau báo cáo đề dẫn của GS.TS Phạm Quang Minh, từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các nhà khoa học đã trao đổi làm rõ những căn cứ lý luận, thực tiễn về quản lý phát triển xã hội, quản trị phát triển xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Nhiều kinh nghiệm quốc tế, nhiều bài học lịch sử cũng được nêu ra góp phần làm sâu sắc hơn những lập luận khoa học. Kết quả hội thảo là đóng góp thiết thực cho quá trình nghiên cứu nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả của thể chế trong quản lý phát triển xã hội bảo đảm đất nước phát triển nhanh và bền vững ■